

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG THCS LÊ THÀNH CÔNG

Số: 115/QĐ-LTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế Kiểm tra, đánh giá học sinh, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÊ THÀNH CÔNG

Căn cứ Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Nhà Bè về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 7 năm 2021 về Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Xét tình hình thực tế của nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay Quyết định ban hành Quy chế Kiểm tra, đánh giá học sinh năm học 2024 – 2025 của trường THCS Lê Thành Công.

Điều 2. Quy chế có hiệu lực áp dụng trong năm học 2024 – 2025.

Điều 3. Các tổ trưởng chuyên môn, cán bộ giáo viên trường THCS Lê Thành Công có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Ngô Thị Lệ Hoa

DANH SÁCH**Thành viên trong Quyết định Quy chế Kiểm tra, đánh giá học sinh
năm học 2024 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 145./QĐ-LTC, ngày 12 tháng 9 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường THCS Lê Thành Công)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ngô Thị Lệ Hoa	Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Phó Hiệu trưởng	
3	Trần Thị Tuyết Hạnh	Tổ trưởng chuyên môn Ngữ văn	
4	Nguyễn Thị Hà Vân	Tổ trưởng chuyên môn Toán – Tin	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Tổ trưởng chuyên môn tiếng Anh	
6	Nguyễn Thị Phương Điền	Tổ trưởng chuyên môn Khoa học tự nhiên	
7	Lê Thị Thanh Thúy	Tổ trưởng chuyên môn Lịch sử - Địa lý, GDCD	
8	Ngô Thị Kim Hoàng	Tổ trưởng chuyên môn Văn thể mỹ	

*** Danh sách có 08 thành viên./.**

Nhà Bè, ngày 12 tháng 9 năm 2024

Hiệu trưởng



Ngô Thị Lệ Hoa

**QUY CHẾ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
NĂM HỌC 2024-2025**

*(Ban hành kiểm tra theo Quyết định số 145 /QĐ-LTC ngày 12 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường THCS Lê Thành Công)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh đối với tất cả các môn học bao gồm: tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với trường Trung học cơ sở (THCS) Lê Thành Công trong việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đối với các bài kiểm tra thường xuyên và định kì (giữa kỳ và cuối kỳ).

Điều 2. Các loại kiểm tra, đánh giá

1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 3. Các căn cứ để xây dựng Quy chế

1. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 7 năm 2021 về Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

3. Văn bản số 3333/GDĐT-TrH ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020-2021.

4. Công văn số 4977/SGDĐT-GDTrH ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025.

5. Công văn số 5058/SGDĐT-GDTrH ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trung học từ năm học 2024-2025.

6. Văn bản số 1383/GDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh trung học từ năm học 2024-2025.

7. Văn bản số 1408/GDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Số lần kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG)

1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Môn Nghệ thuật (Mỹ thuật)

Điểm đánh giá thường xuyên 2 lần/HKI

Lần 1: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 4

Lần 2: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 14

Điểm đánh giá thường xuyên 2 lần/HKII

Lần 1: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 22

Lần 2: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 29

Môn Nghệ thuật (Âm nhạc)

Điểm đánh giá thường xuyên 2 lần/HKI

Lần 1: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 4

Lần 2: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 14

Điểm đánh giá thường xuyên 2 lần/HKII

Lần 1: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 22

Lần 2: Hình thức thực hành; Thời gian: tuần 29

Môn Giáo dục thể chất

Điểm đánh giá thường xuyên 2 lần/HKI

Lần 1 (HKI): Hình thức: thực hành; Thời gian: tuần 6 (từ 08/10 đến 13/10).

Lần 2 (HKI): Hình thức: thực hành; Thời gian: tuần 13 (từ 27/11 đến 1/12).

Lần 1 (HKII): Hình thức: thực hành; Thời gian: tuần 24 (từ 29/01 đến 2/2).

Lần 2 (HKII): Hình thức: thực hành; Thời gian: tuần 31 (từ 11/3 đến 15/3).

Môn Giáo dục địa phương 6, 7, 8

Lần 1 tuần 5 (HKI), tuần 14 (HKII) được thực hiện thông qua hình thức nộp sản phẩm.

Lần 2 tuần 22 (HKI), tuần 27 (HKII) được thực hiện thông qua hình thức nộp sản phẩm.

Môn Công nghệ

Lần 1: Hình thức: Đánh giá quá trình học tập; Thời gian: suốt quá trình học tập đến hết HK tuần 4, 14.

Lần 2: Hình thức: Trắc nghiệm, tự luận; Thời gian: tuần 24, 29.

Môn Tin học

Lần 1: Hình thức: Đánh giá quá trình học tập; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

Lần 2: Hình thức: Trắc nghiệm/ Thực hành; Thời gian: tuần 5, 23.

Môn Giáo dục công dân

Lần 1: Hình thức: Đánh giá quá trình học tập; Thời gian: suốt quá trình học tập đến hết HK.

Lần 2: Hình thức: Tự luận ; Thời gian: tuần 4.

Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Lần 1 tuần 3 (HKI), tuần 24 (HKII) được thực hiện thông qua hình thức nộp sản phẩm.

Lần 2 tuần 12 (HKI), tuần 30 (HKII) được thực hiện thông qua hình thức nộp sản phẩm.

Môn Ngữ văn

Môn Ngữ văn đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Điểm đánh giá thường xuyên 4 lần/học kỳ.

Học kỳ 1

Lần 1. Hình thức: tự luận. Thời gian tuần 4

Lần 2. Hình thức: tự luận. Thời gian tuần 8

Lần 3. Hình thức: tự luận. Thời gian tuần 12

Lần 4. Hình thức: Đánh giá quá trình học tập (thực hiện các yêu cầu giáo viên hướng dẫn tại nhà, nộp bài làm tại nhà theo yêu cầu giáo viên, tích cực tham gia ý kiến khi trao đổi trực tiếp, thuyết trình), tự luận. Thời gian thực hiện suốt quá trình học tập đến hết học kỳ (HK). Thời gian: tuần 14.

Học kỳ 2

Lần 1. Hình thức: tự luận. Thời gian tuần 22.

Lần 2. Hình thức: tự luận. Thời gian tuần 24.

Lần 3. Hình thức: tự luận. Thời gian tuần 28.

Lần 4. Hình thức: Đánh giá quá trình học tập (thực hiện các yêu cầu giáo viên hướng dẫn tại nhà, nộp bài làm tại nhà theo yêu cầu giáo viên, tích cực tham gia ý kiến khi trao đổi trực tiếp, thuyết trình), tự luận. Thời gian: tuần 30.

Môn Tiếng Anh

Điểm đánh giá thường xuyên 4 lần/HKI

Lần 1: hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Đánh giá quá trình học tập; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HKI.

Lần 2: Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Thời gian: tuần 3

Lần 3: Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Thời gian: tuần 7

Lần 4: Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Thời gian: tuần 12

Điểm đánh giá thường xuyên 4 lần/HKII

Lần 1: Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Đánh giá quá trình học tập; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HKII.

Lần 2: Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Thời gian: tuần 23

Lần 3: Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Thời gian: tuần 26

Lần 4: Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận; Thời gian: tuần 31

Môn Toán

Điểm đánh giá thường xuyên 4 lần/HK

Lần 1: Hình thức: Đánh giá quá trình học tập; Thời gian: suốt quá trình học đến hết HK.

Lần 2: Hình thức: Tự luận và trắc nghiệm; Thời gian: tuần 5/HKI, tuần 24/HKII.

Lần 3: Hình thức: Tự luận và trắc nghiệm; Thời gian: tuần 11/HKI, tuần 30/HKII.

Lần 4: Hình thức: Tự luận và trắc nghiệm; Thời gian: tuần 13/HKI, tuần 32/HKII.

Môn Khoa học tự nhiên

Học kì I

Lần 1: Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 4 (23/9 - 28/9).

Lần 2: Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 6 (7/10 - 12/10).

Lần 3: Hình thức: Học sinh trình bày dự án học tập hoặc làm sản phẩm stem theo chương trình giáo dục; Thời gian: tuần 12 (18/11 - 23/11).

Lần 4: Hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết học kì.

Học kì II

Lần 1: Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 22 (10/2 - 15/2).

Lần 2: Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận; Thời gian: tuần 24 (24/2 - 1/3).

Lần 3: Hình thức: Học sinh trình bày dự án học tập hoặc làm sản phẩm stem theo chương trình giáo dục; Thời gian: tuần 28 (24/3 - 29/3).

Lần 4: Hình thức: Đánh giá quá trình học tập bằng hình thức trắc nghiệm hoặc vấn đáp; Thời gian: suốt quá trình học đến hết học kì.

Môn Lịch sử và Địa lý

Học kỳ I

Lần 1: Hình thức tự luận; Thời gian: Tuần 3

Lần 2: Hình thức tự luận; Thời gian: Tuần 6.

Lần 3: Hình thức tự luận; Thời gian: Tuần 11.

Lần 4: Hình thức hỏi – đáp; Thời gian: Tuần 14.

Học kỳ II

Lần 1: Hình thức tự luận; Thời gian: Tuần 22.

Lần 2: Hình thức tự luận; Thời gian: Tuần 25.

Lần 3: Hình thức tự luận; Thời gian: Tuần 29.

Lần 4: Hình thức hỏi - đáp; Thời gian: Tuần 32.

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

2.1. Khối 6

Môn Nghệ thuật (Mỹ thuật)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 28/10 – 02/11	+ <i>Nghệ thuật 6 (Mỹ thuật 6)</i> Bài “Những hình vẽ trong hang động” - Nhận biết: Biết được vẽ đẹp của các hình vẽ trong hang động và tìm ra hình vẽ để mô phỏng. - Thông hiểu: Nêu được cách mô phỏng hình vẽ theo mẫu. - Vận dụng: Mô phỏng được hình vẽ của người tiền sử theo cảm nhận. - Vận dụng cao: Cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của mỹ thuật thời tiền sử. Có ý thức trân trọng, bảo tồn và	Thực hành

			phát triển văn hóa nghệ thuật của người xưa.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 16/12 - 21/12	+ Nghệ thuật 6 (Mĩ thuật 6) Bài “Nhân vật 3D từ dây thép” - Nhận biết: Chỉ ra được kĩ thuật kết hợp dây thép và giấy để tạo hình nhân vật 3D. - Thông hiểu: Nhận biết được tỉ lệ, sự cân đối của hình khối trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. - Vận dụng: Tạo được hình dáng của nhân vật 3D bằng dây thép và giấy. - Vận dụng cao: Ứng dụng tạo hình nhân vật 3D vào đời sống.	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 10/3 – 15/3	+ Nghệ thuật 6 (Mĩ thuật 6) Bài “Thảm trang trí với họa tiết trống đồng” - Nhận biết: Chỉ ra được cách vận dụng nguyên lí lặp lại, cân bằng và nhịp điệu trong trang trí thảm hình vuông. - Thông hiểu: Phân tích được nhịp điệu và sự cân bằng trong bài vẽ. - Vận dụng: Trang trí được thảm hình vuông với họa tiết trống đồng. - Vận dụng cao: Ứng dụng được hình vẽ vào đời sống.	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 21/4 – 26/4	+ Nghệ thuật 6 (Mĩ thuật 6) Bài “Khu nhà tương lai” - Nhận biết: Chỉ ra được sự kết hợp hài hoà của các hình khối, đường nét, màu sắc để tạo mô hình khu nhà. - Thông hiểu: Phân tích được nhịp điệu, sự hài hoà của hình khối, đường nét, màu sắc, không gian trong mô hình khu nhà. - Vận dụng: Tạo được mô hình khu nhà với cảnh vật mong muốn. - Vận dụng cao: Có ý thức giữ gìn vệ sinh và xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp.	Thực hành

Môn Nghệ thuật (Âm nhạc)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 - 02/11)	Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao. - Nhận biết: biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt, biết các thuộc tính của âm thanh có tính nhạc. - Thông hiểu: hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. - Vận dụng thấp: hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12- 21/01)	Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao. - Nhận biết: biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt; nêu được khái niệm nhịp 4/4. - Thông hiểu: hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc; biết được những bài viết ở nhịp 4/4. Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ. - Vận dụng thấp: hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc, thể hiện được tiết tấu bằng nhạc cụ gõ. - Vận dụng cao: cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, thể hiện được giai điệu bằng nhạc cụ (kèn phím, recorder).	Thực hành và vấn đáp
Giữa Học	45 phút	Tuần 27	Nhận biết, thông hiểu, vận dụng	Thực

kỳ 2		(10/3 - 15/3)	thấp, vận dụng cao. - Nhận biết: biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. - Vận dụng thấp: hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (21/4 - 26/4)	Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao. - Nhận biết: biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc; hiểu được như thế nào là hát bè. - Vận dụng thấp: hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc, thể hiện được tiết tấu bằng nhạc cụ gõ. - Vận dụng cao: cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, thể hiện được giai điệu bằng nhạc cụ (kèn phím, recorder).	Thực hành và vấn đáp

Môn Giáo dục thể chất

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa HK1	45 phút	Tuần 8, 9 (từ 22/10 đến 3/11)	- Nhận biết + Nêu được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu + Mô tả được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	Trắc nghiệm, thực hành
Cuối	45 phút	Tuần 17	- Nhận biết	Thực

HK1		(từ 25/12 đến 29/12)	+ Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu + Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	hành
Giữa HK2	45 phút	Tuần 26 (từ 12/2 đến 16/2)	- Nhận biết + Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu + Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến) + Thực hiện được kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến) + Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	Thực hành
Cuối HK2	45 phút	Tuần 33, 34 (từ 25/3 đến 5/4)	- Nhận biết + Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu + Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến) + Thực hiện được kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến) + Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	Thực hành

Môn Giáo dục địa phương

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- Chỉ ra được Tp.HCM thuộc đồng bằng Đông Nam Bộ dựa vào bản đồ địa hình hoặc số liệu diện tích, tỉ lệ các dạng địa hình. - Trình bày được một số đặc điểm đặc trưng về điều kiện tự nhiên của Tp.HCM: địa hình, khí hậu, sông ngòi.
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	- Kể được tên ít nhất 3 lễ hội ở Tp.HCM. - Lựa chọn, tìm hiểu một lễ hội ở Tp.HCM. - Nêu được ý nghĩa, ảnh hưởng của lễ hội đối với đời sống cư dân ở Tp.HCM. - Chia sẻ cảm nhận của bản thân, đề xuất phương án bảo tồn, phát triển lễ hội.
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Nêu được những đặc trưng của Âm nhạc ở Tp.HCM. - Phân biệt được tính chất, màu sắc âm nhạc khác nhau của một số thể loại Âm nhạc dân gian ở Tp.HCM. - Tự sáng tạo phần đệm tiết tấu cho một bài dân gian/điệu múa dân gian của miền Nam. - Nói lên được suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về Âm nhạc dân gian được giới thiệu.
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32	- Tìm hiểu một số nghề nghề đặc trưng ở Tp.HCM. - Nêu được một số yêu cầu cần thiết đáp ứng một nghề ở Tp.HCM. - Thể hiện được sự quan tâm, hứng thú đối với ngành nghề ở Tp.HCM. - Hình thành được một số kỹ năng qua trải nghiệm nghề tại thực địa.

Môn Công nghệ

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	+ Nhận biết: Biết được vai trò và đặc điểm của nhà ở.	Trắc nghiệm,

			+ Biết kể tên một số vật liệu xây nhà. + Biết được các nguồn năng lượng thường dùng trong gia đình. + Biết mô tả những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. + Thông hiểu: Mô tả được các bước chính để xây nhà. + Vận dụng thấp: Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả. + Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. + Vận dụng cao: Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.	tự luận Kiểm tra trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	+ Nhận biết: Biết được vai trò và đặc điểm của nhà ở. + Biết kể tên một số vật liệu xây nhà. + Biết được các nguồn năng lượng thường dùng trong gia đình. + Biết mô tả những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. + Nhận biết được ý nghĩa nhóm chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người. + Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. + Thông hiểu: Mô tả được các bước chính để xây nhà. + Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả. + Vận dụng thấp: Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. + Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. + Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. + Vận dụng cao: Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy

Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	+ Nhận biết: Nhận biết được vai trò các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. + Thông hiểu: Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc. + Vận dụng thấp: Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang. + Vận dụng cao: Lựa chọn được trang phục phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33	Nhận biết - Học sinh biết sử dụng điện năng một cách hợp lý. - Nhận biết được vai trò các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. Thông hiểu + Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. + Vận dụng thấp: Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang. + Hiểu được cấu tạo, của máy biến áp một pha. - Hiểu được đặc điểm của mạng điện trong nhà. + Vận dụng cao: Hiểu được cấu tạo, chức năng một số phần tử của mạng điện trong nhà. - Hiểu được công dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc của một số thiết bị đóng - cắt và lấy điện của mạng điện trong nhà.	Kiểm tra tập trung toàn khối

Môn Tin học

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 32/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 - 02/11)	- Nhận biết + Thông tin, vật mang tin, dữ liệu, bit là gì? + Biết vai trò của máy tính, các thành phần chủ yếu của mạng máy tính, nhận biết được số hóa dữ liệu (số hóa hình ảnh, âm thanh và văn bản). - Thông hiểu - Các bước trong xử lý thông tin, so sánh được các đơn vị đo dung lượng nhớ, nêu được lợi ích của máy tính, hiểu được dữ liệu số. - Vận dụng: Quy đổi gần đúng giá trị đo lường dung lượng lưu trữ.	Trắc nghiệm + Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12 - 21/12)	- Nhận biết + Các máy tìm kiếm thông tin. - Thông hiểu + Các bước trong xử lý thông tin, so sánh được các đơn vị đo dung lượng nhớ, nêu được lợi ích của máy tính, hiểu được dữ liệu số. + Trình bày được sơ lược các khái niệm cơ bản website, địa chỉ website, trình duyệt, nêu được những thông tin chính trên trang web cho trước. + Trình bày được công dụng của máy tìm kiếm. + Nêu được ưu, nhược điểm của dịch vụ thư điện tử. - Vận dụng: Nêu từ khóa trong nội dung cần tìm kiếm, quy đổi gần đúng giá trị đo lường dung lượng lưu trữ. - Vận dụng cao: Trình bày được cách tìm kiếm thông tin, lưu hình ảnh, văn bản về máy tính, gửi thư điện tử.	Trắc nghiệm + Thực hành

Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (10/3 - 15/3)	- Nhận biết + Nhận biết các biểu tượng định dạng văn bản, trình bày văn bản, tạo bảng tính, lợi ích bản đồ tư duy. - Thông hiểu + Hiểu cách căn lề, định dạng, tìm kiếm, thay thế, định dạng và in văn bản và tạo bảng. - Vận dụng: Chọn lề thích hợp cho văn bản, nhận diện các thông điệp lừa đảo. - Vận dụng cao: Định dạng văn bản, tạo bảng, trình bày.	Trắc nghiệm + Thực hành Trắc nghiệm làm bài trên giấy. Thực hành trên máy tính
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32 (21/4 - 26/4)	- Nhận biết + Biết lợi ích của sơ đồ tư duy, tầm quan trọng của thuật toán. - Thông hiểu + Hiểu cách căn lề, định dạng, tìm kiếm, thay thế, định dạng và in văn bản và tạo bảng. - Vận dụng + Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự. + Trường hợp vẽ sơ đồ tư duy. + Các trường hợp vẽ bảng trong word. + Các bước tìm kiếm trong văn bản. - Vận dụng cao: Vẽ được sơ đồ theo yêu cầu của giáo viên áp dụng trong cuộc sống.	Trắc nghiệm + Thực hành

Môn Giáo dục công dân

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 - Tháng 10/2024	+ Nêu được một số truyền thống gia đình, dòng họ. + Giải thích được ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. + Thực hiện những việc làm cụ thể, phù hợp để phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. + Trình bày được khái niệm và biểu hiện của yêu thương con người + Trình bày được khái niệm và biểu	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu

			hiện của yêu thương con người. + Trình bày được giá trị của yêu thương con người. + Đánh giá thái độ thể hiện lòng yêu thương con người của người khác. + Phê phán những biểu hiện trái với yêu thương con người. + Thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. + Khám phá khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. + Đánh giá sự siêng năng, kiên trì của bản thân của người khác trong học tập và lao động. + Bày tỏ sự quý trọng người siêng năng, kiên trì. Góp ý cho những người lười biếng, nản lòng để sửa chữa. + Thực hiện được những việc làm thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và trong cuộc sống.	- 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao.
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 17 - Tháng 12/2024	+ Nêu được một số truyền thống gia đình, dòng họ. + Giải thích được ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. + Thực hiện những việc làm cụ thể, phù hợp để phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. + Trình bày được khái niệm và biểu hiện của yêu thương con người. + Trình bày được khái niệm và biểu hiện của yêu thương con người. + Trình bày được giá trị của yêu thương con người. + Đánh giá thái độ thể hiện lòng yêu thương con người của người khác. + Phê phán những biểu hiện trái với yêu thương con người. + Thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. + Khám phá khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. + Đánh giá sự siêng năng, kiên trì của bản thân của người khác trong học tập và lao động. + Bày tỏ sự quý trọng người siêng năng, kiên trì. Góp ý cho những	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			người lười biếng, nản lòng để sửa chữa. + Thực hiện được những việc làm thể hiện đức tính siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và trong cuộc sống. + Nêu được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. + Vì sao phải tôn trọng sự thật. + Luôn nói thật với bản thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. + Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. + Nêu được khái niệm của tự lập. + Liệt kê các biểu hiện của tự lập. + Giải thích vì sao phải tự lập. + Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và của người khác + Tự thực hiện nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở nhà trường và hoạt động trong cộng đồng, không dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác. + Khám phá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. + Lý giải được tầm quan trọng của việc tự nhận thức của bản thân. + Biết tôn trọng bản thân và những người xung quanh. + Xây dựng kế hoạch phát triển điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.	
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 - Tháng 3/2025	+ Lý giải được các cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm. + Thực hành được các cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. + Khám phá được khái niệm về tiết kiệm và biểu hiện về tiết kiệm. + Lý giải được tầm quan trọng của tiết kiệm. + Nhận xét, đánh giá việc thực hiện tiết kiệm của bản thân và của người khác. + Phê phán những biểu hiện lãng phí trong cuộc sống và trong học	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10%

			tập. + Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống và trong học tập. + Khám phá được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Lý giải được các điều kiện xác định quốc tịch, công dân Việt Nam.	điểm vận dụng cao
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 34 - Tháng 5/2025	+ Lý giải được các cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm. + Thực hành được các cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. + Khám phá được khái niệm về tiết kiệm và biểu hiện về tiết kiệm. + Lý giải được tầm quan trọng của tiết kiệm. + Nhận xét, đánh giá việc thực hiện tiết kiệm của bản thân và của người khác. + Phê phán những biểu hiện lãng phí trong cuộc sống và trong học tập. + Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống và trong học tập. + Khám phá được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Lý giải được các điều kiện xác định quốc tịch, công dân Việt Nam. + Khám phá được một số quy định của hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. + Thực hiện một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. + Nêu được một số quyền cơ bản của trẻ em. + Nêu được ý nghĩa quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em. + Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội về thực hiện quyền trẻ em. + Phân biệt được hành vi thực hiện đúng và hành vi vi phạm quyền trẻ em.	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			+ Nhận xét đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của gia đình, nhà trường và cộng đồng. + Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. + Bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt quyền trẻ em.	
--	--	--	--	--

Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 9	- Điều chỉnh bản thân phù hợp với môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. - Thiết lập được các mối quan hệ với bạn bè. - Biết gìn giữ tình bạn. - Xác định được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. - Thiết lập được các mối quan hệ với thầy cô. - Biết gìn giữ tình thầy trò. - Giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ với thầy cô. - Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường.	Sản phẩm
Cuối Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 17	- Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể. - Biết tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình. - Thể hiện được sự chủ động trong thực hiện một số công việc trong gia đình. - Thể hiện được sự tự giác trong thực hiện một số công việc trong gia đình. - Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng. - Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng. - Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. - Giới thiệu được một số truyền	Sản phẩm

			thống của địa phương.	
Giữa Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 27	- Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. - Chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường. - Biết vận động bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú. - Vận động bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường. - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương. - Biết vận động người thân tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú. - Vận động người thân không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.	Sản phẩm
Cuối Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 32	- Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam. - Nêu được hoạt động đặc trưng của các nghề truyền thống. - Nêu được những yêu cầu cơ bản của các nghề truyền thống. - Nêu được trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. - Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội - Có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau. - Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống. - Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống.	Sản phẩm

Môn Ngữ văn

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI.

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII.

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ 1	90 phút	Tuần 9 (28/10 – 02/11)	Đọc hiểu: Thể loại truyền thuyết, truyện cổ tích. Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản. Nghĩa một số thành ngữ thông dụng trong văn bản. Nhận biết được đặc điểm, chức năng của trạng ngữ; biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết câu. Thông hiểu: Phát hiện các chi tiết trong văn bản đọc hiểu. Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản. Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản. Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát. Viết được bài văn kể lại truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em đã học.	Tự luận
Cuối học kỳ 1	90 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận
Giữa học kỳ 2	90 phút	Tuần 27 (10/3- 15/3)	Đọc hiểu theo thể loại: Thơ lục bát, truyện ngắn - Nhận biết: Tác giả, tác phẩm, thể loại, thể thơ; nghĩa văn cảnh của một từ ngữ khi được đặt trong ngoặc kép; chỉ ra được những đặc điểm, chức năng cơ bản của đoạn văn và văn bản; từ đa nghĩa và từ đồng âm. - Thông hiểu: Hiểu được nội dung của văn bản; hiểu được các kiến thức liên quan đến việc xây dựng được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. - Vận dụng: Nêu được ý kiến, quan điểm riêng của bản thân. Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.	Tự luận

			- Vận dụng cao: Viết đoạn văn khoảng 300 chữ cảm nhận về một bài thơ.	
Cuối học kỳ 2	90 phút	Tuần 34 (28/4 – 03/5)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận

Môn Tiếng Anh

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9 (28/10 – 2/11/2024)	- Nhận biết: Từ vựng Starter Unit đến Unit 2 (p.27) - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thi hiện tại đơn với động từ Tobe. + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm. + Giới từ chỉ nơi chốn: <i>opposite, under, on, near</i> . + Câu so sánh hơn.	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	- Nghe: True/False - Nhận biết: Từ vựng Starter Unit đến Unit 3 (p.47) - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thi hiện tại đơn với động từ Tobe và động từ thường. + Modal verb: <i>can, might</i> . + WH- : <i>Where, What, Who, How many</i> . + Câu so sánh hơn. + Câu so sánh nhất.	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 27 10/3/2025- 15/3/2025	- Nhận biết: Từ vựng Unit 4 đến Unit 6 (p.81) - Thông hiểu + Giới từ: <i>at, for, to, from</i> . - Vận dụng + Thi hiện tại tiếp diễn + Thi quá khứ đơn với động từ Tobe.	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.

			- Vận dụng cao + Word-form	
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 34 28/4/2025 – 10/5/2025	- Nghe: True/False - Nhận biết: Từ vựng Unit 4 đến Unit 8 (p.105) - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì tương lai đơn/ tương lai gần. - Vận dụng + Thì hiện tại tiếp diễn + Thì quá khứ đơn. - Vận dụng cao: + Câu điều kiện loại 1.	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.

Môn Toán

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	90 phút	Tuần 9	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	Tự luận và trắc nghiệm
Cuối Học kỳ I	90 phút	Tuần 16	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	Tự luận và trắc nghiệm
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần 27	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một	Tự luận và trắc nghiệm

			vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương.	
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần 34	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương.	Tự luận và trắc nghiệm

Môn Khoa học tự nhiên

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI (28/10 – 2/11)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI (23/12 – 28/12)

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII (10/3 – 15/3)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 33/HKII (5/5 – 10/5)

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9 (28/10-2/11)	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. – Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ. – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo	Trắc nghiệm và tự luận

			độ “nóng”, “lạnh” của vật. – Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. – Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. – Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan,...). - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm - Nêu được cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. – Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết.	
--	--	--	--	--

			– Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.	
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. – Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ. – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. – Sử dụng được một số loại dụng cụ đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ. – Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. – Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. – Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ;	Trắc nghiệm và tự luận

			sôi. - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm - Nêu được cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. – Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết. – Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. – Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. – Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. – Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. – Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. – Nhận biết được tế bào là đơn vị	
--	--	--	---	--

			cấu trúc của sự sống. – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào $\rightarrow$ 2 tế bào $\rightarrow$ 4 tế bào... $\rightarrow$ n tế bào). – Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào – Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. – Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). - Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. Lấy được các ví dụ minh họa. – Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới. – Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. – Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học. – Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật. – Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein). – Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào). – Nêu được một số bệnh do virus	
--	--	--	---	--

			gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus. – Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus trong thực tiễn. – Vận dụng được hiểu biết về virus vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn – Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo vi khuẩn. – Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. – Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra. – Nêu được một số vai trò và ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn. – Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...).	
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 26 (10/3 – 15/3)	– Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào,...). – Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. – Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. – Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. – Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...). – Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. – Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật:	Trắc nghiệm và tự luận

		Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). – Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). – Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. – Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. – Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...) – Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. – Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). – Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. – Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. – Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi	
--	--	---	--

			hướng chuyển động, biến dạng vật. – Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật).	
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 33 (5/5 – 10/5)	– Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào,...). – Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. – Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. – Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. – Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...). – Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. – Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). – Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). – Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. – Nhận biết được các nhóm động	40% Trắc nghiệm và 60% tự luận

			vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. – Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...) – Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. – Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). – Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. – Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật. – Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật). – Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. – Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. – Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp	
--	--	--	---	--

			xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật; khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ. – Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. – Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu. – Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng. – Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn. – Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. – Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. – Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày. – Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày. – Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng. – Nêu được Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời. – Nêu được các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.	
--	--	--	--	--

Môn Lịch sử và Địa lý

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	60 phút	Tuần 9	Nhận biết: Biết được một số khái niệm thời gian trong lịch sử. Biết được nguồn gốc loài người. Biết được đặc điểm của xã hội nguyên thủy. Nhận biết: Biết được được quá trình	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%).

			phát hiện ra kim loại. Biết được khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc. Thông hiểu: Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa xã hội. Biết được chữ viết của người Ai Cập cổ đại và người đứng đầu. Thông hiểu: Hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ. Vận dụng: Mối quan hệ giữa người với người như thế nào trong xã hội có sự phân hóa giàu, nghèo tìm ra được. Tính được đúng số năm diễn ra sự kiện. Vận dụng: xác định được tọa độ địa lý của điểm A và điểm O, xác định được hướng từ điểm A đến điểm O, lấy được ví dụ về tỉ lệ bản đồ.	Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
Cuối Học kỳ I	60 phút	Tuần 17	- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập cổ đại. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc, của Hy Lạp cổ đại. - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang. - Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, cư dân Âu Lạc. - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh trong quá trình học tập ở học kì I. - Thông qua bài kiểm tra đánh giá khả năng tiếp thu bài của học sinh, nhằm điều chỉnh quá trình giảng dạy, học tập của học sinh và giáo viên. - Rèn luyện kĩ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi. - Rèn luyện đức tính trung thực của học sinh trong quá trình làm bài kiểm tra.	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
Giữa Học kỳ II	60 phút	Tuần 27	- Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. - Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận

			nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh trong quá trình học tập ở giữa học kì II. Nhận biết - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu. - Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. Thông hiểu - Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió. - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. Vận dụng - Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. Vận dụng cao - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.	(60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
Cuối Học kỳ II	60 phút	Tuần 34	Nhận biết - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó

		- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Cấu tạo của trái đất, các mảng kiến tạo, hiện tượng động đất, quá trình nội sinh ngoại sinh, các dạng địa hình, khoáng sản. - Các tầng khí quyển, thành phần không khí, các đới khí hậu, biến đổi khí hậu và ứng phó với BĐKH. - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh trong quá trình học tập ở học kì. - Rèn luyện đức tính trung thực của học sinh trong quá trình làm bài kiểm tra. Nhận biết – Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. – Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn. – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. – Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới). Thông hiểu - Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. – Trình bày được nguyên nhân của các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển, thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới. Vận dụng – Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà. – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới	địa lý 50%, lịch sử 50%
--	--	--	-------------------------------

			và vùng biển ôn đới. Vận dụng cao – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.	
--	--	--	---	--

2.2. Khối 7

Môn Nghệ thuật (Mỹ thuật)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 28/10 – 02/11	+ Nghệ thuật 7 (Mỹ thuật 7) Bài “Bìa sách với di sản kiến trúc Việt Nam” - Nhận biết: Nêu được cách kết hợp chữ, hình, màu tạo bìa sách. - Thông hiểu: Phân tích được sự hài hòa về màu sắc, tỉ lệ hình và chữ trên bìa sách. - Vận dụng: Tạo được bìa sách giới thiệu công trình kiến trúc trung đại Việt Nam. - Vận dụng cao: Có ý thức bảo tồn và quảng bá giá trị của di sản văn hóa dân tộc.	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 16/12 - 21/12	+ Nghệ thuật 7 (Mỹ thuật 7) Bài “Chao đèn trang trí trong kiến trúc” - Nhận biết: Chỉ ra được vẻ đẹp và cách thiết kế tạo dáng sản phẩm với nguyên lí cân bằng, lặp lại. - Thông hiểu: Trình bày ý tưởng và phân tích nguyên lí tạo hình trong trang trí sản phẩm. - Vận dụng: Tạo được chao đèn trong trang trí kiến trúc bằng bìa các-tông. - Vận dụng cao: Nêu được vai trò, ý nghĩa, công năng của sản phẩm thiết kế phục vụ đời sống.	Thực hành

Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 10/3 – 15/3	+ Nghệ thuật 7 (Mĩ thuật 7) Bài “Những mảnh ghép thú vị” - Nhận biết: Chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình và cách làm tranh ghép mảnh bằng giấy màu. - Thông hiểu: Phân tích được vẻ đẹp tạo hình của tranh ghép mảnh qua sản phẩm mĩ thuật. - Vận dụng: Tạo được bức tranh mảnh ghép bằng giấy, bìa màu. - Vận dụng cao: Nêu được vai trò và giá trị của việc ứng dụng hình thức tranh Mosaic trong cuộc sống.	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 21/4 – 26/4	+ Nghệ thuật 7 (Mĩ thuật 7) Bài “Sắc màu của tranh in” - Nhận biết: Nêu được nét đặc trưng của hình in và kỹ thuật tranh in độc bản đơn giản. - Thông hiểu: Phân tích được màu sắc, chất cảm của hình in trong sản phẩm mĩ thuật. - Vận dụng: Tạo được tranh in từ mi ca. - Vận dụng cao: Chỉ ra được đặc điểm của tranh in độc bản.	Thực hành

Môn Nghệ thuật (Âm nhạc)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 - 02/1)	- Nhận biết: biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. - Vận dụng thấp: hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: cảm nhận được sắc	Thực hành

			thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12 - 21/12)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt; biết được một số kí hiệu âm nhạc. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. Hiểu được tác dụng của các kí hiệu âm nhạc. Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc, thể hiện được tiết tấu bằng nhạc cụ gõ. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, thể hiện được giai điệu bằng nhạc cụ (kèn phím, recorder).	Thực hành và vấn đáp
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 (10/3 - 15/3)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. Nhận biết được tên của các loại nhạc cụ dân tộc đã học. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (21/4 - 26/4)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. Kể tên được một số nhạc cụ dân tộc đã học. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. Nêu được đôi nét	Thực hành và vấn đáp

			về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ. Nhận biết được tên của các loại nhạc cụ dân tộc đã học. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc, thể hiện được tiết tấu bằng nhạc cụ gõ. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, thể hiện được giai điệu bằng nhạc cụ (kèn phím, recorder).	
--	--	--	---	--

Môn Giáo dục thể chất

Số lần kiểm tra đánh giá định kì cụ thể như sau:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa HK1	45 phút	Tuần 8, 9 (từ 22/10 đến 3/11)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	Trắc nghiệm, thực hành
Cuối HK1	45 phút	Tuần 17 (từ 25/12 đến 29/12)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	Thực hành
Giữa HK2	45 phút	Tuần 26 (từ 12/2 đến 16/2)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến): Thực hiện được kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến): Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm	Thực hành

			thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	
Cuối HK2	45 phút	Tuần 33, 34 (từ 25/3 đến 5/4)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến): Thực hiện được kỹ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến): Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	Thực hành

Môn Giáo dục địa phương

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- Nêu được một số đặc trưng tiêu biểu của ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Chia sẻ hiểu biết, cảm nhận về vai trò của ngôn ngữ đối với đời sống văn hóa của người dân ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Nêu được phương án bảo tồn, phát triển các ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Tôn trọng sự đa dạng của ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản phẩm
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	Hình thành ở học sinh thói quen ăn uống hợp vệ sinh và an toàn.	Sản phẩm
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Nêu được các đặc trưng trong văn hoá ẩm thực Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản phẩm
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một trong số các loại tài nguyên thiên nhiên tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh (đất, nước, rừng, khoáng sản...). - Kể tên được các phương tiện giao thông chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh.	Viết và sản phẩm

			– Nêu được vai trò của giao thông đối với sự phát triển kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh. – Đề xuất được giải pháp nâng cao ý thức giữ gìn, phát triển hệ thống giao thông ở Thành phố Hồ Chí Minh	
--	--	--	--	--

Môn Công nghệ

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- Nhận biết: Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số nghề phổ biến trong trồng trọt. - Nhận biết được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt. - Thông hiểu: Kể tên được một số nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam. - Nêu một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam. - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. - Vận dụng thấp: Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt. - Trình bày được mục đích, yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt. - Vận dụng cao: Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	- Nhận biết được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt. - Kể tên được một số nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy

			- Nêu một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam. - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. - Thông hiểu: Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt. - Trình bày được mục đích, yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt. - Vận dụng thấp: Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành. - Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một số loại cây trồng phổ biến. - Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt. - Trình bày được vai trò của rừng. - Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam. - Vận dụng cao: Tóm tắt được quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng. - Có ý thức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	- Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. - Thông hiểu: Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi. - Vận dụng thấp: Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. - Vận dụng cao: Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. - Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy
Cuối Học	45 phút	Tuần 33	- Nhận biết được một số vật nuôi	Trắc

kỳ 2		được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. - Thông hiểu: Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi. - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. - Vận dụng thấp: Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. - Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến. - Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình. - Vai trò của thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam. - Nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. - Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng trị bệnh, thu hoạch một loại thủy sản phổ biến. - Vận dụng cao: Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản bằng phương pháp đơn giản. - Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng trị bệnh, thu hoạch một loại thủy sản phổ biến. - Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản bằng phương pháp đơn giản.	nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy Kiểm tra tập trung toàn khối
------	--	---	--

Môn Tin học

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 32/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 - 02/11)	- Nhận biết + Tên thiết bị, chức năng thiết bị. + Tên 1 số phần mềm ứng dụng phổ biến và hệ điều hành thông dụng hiện nay. + Hệ điều hành dành cho máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng. + Phân biệt đuôi tệp phổ biến của các dạng tập tin. - Thông hiểu: Sao lưu dự phòng, ý nghĩa của đuôi tên tệp. - Vận dụng: Tạo thư mục, đổi tên thư mục, xóa thư mục, sao chép, di chuyển thư mục. - Vận dụng cao: Phân biệt chức năng hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.	Trắc nghiệm làm bài trên giấy, Thực hành trên máy tính
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12 - 21/12)	- Nhận biết + Phân biệt đuôi tệp phổ biến của các dạng tập tin. + Đặc điểm của mạng xã hội. + Nhận biết các biểu tượng trong phần mềm trình chiếu. - Thông hiểu: Chọn loại mạng xã hội phù hợp yêu cầu. - Vận dụng: Tạo bài trình chiếu - Vận dụng cao: Bố cục trình bày bài trình chiếu hợp lí.	Trắc nghiệm làm bài trên giấy + Thực hành trên máy tính
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (10/3 - 15/3)	- Nhận biết + Các thao tác cơ bản với chương trình Excel. + Ký hiệu tiền tệ 1 số nước. - Thông hiểu + Sự khác biệt của tìm kiếm nhị phân và tìm kiếm tuần tự. + Ý nghĩa thuật toán tìm kiếm nhị phân. - Vận dụng: Mô phỏng sắp xếp chọn, sắp xếp nổi bọt, tìm kiếm nhị phân. - Vận dụng cao: Tính kết quả khi	Trắc nghiệm trực tuyến hoặc làm bài trên giấy

			mô phỏng thuật toán.	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32 (21/4 - 26/4)	- Nhận biết: Các thao tác cơ bản khi sử dụng Excel. - Thông hiểu + Khác biệt sử dụng địa chỉ trong công thức và dữ liệu số trong công thức. + Sao chép công thức, sao chép nội dung. + Định dạng dữ liệu trong ô tính. - Vận dụng + Định dạng dữ liệu ngày tháng, tiền tệ. + Trình bày trang tính hợp lí. - Vận dụng cao: Sử dụng phép tính để tính toán bằng công thức trong trang tính.	Trắc nghiệm làm bài trên giấy + Thực hành trên máy tính

Môn Giáo dục công dân

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 - Tháng 10/2024	HS nắm được nội dung của chủ đề/ bài học từ tuần 1 đến tuần 8. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. + Nhận biết và thông hiểu - Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. - Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. - Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			trước khó khăn, mất mát của người khác. - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. - Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực. - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. - Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. - Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. + Vận dụng: Học sinh nhận xét hành vi của nhân vật trong tình huống và giải thích vì sao? + Vận dụng cao: Học sinh đặt mình là nhân vật trong tình huống để xử lý hành vi nhân vật. Phê phán những người không biết giữ chữ tín.	
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 17 - Tháng 12/2024	HS nắm được nội dung của chủ đề/ bài học từ tuần 1 đến tuần 16. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Nhận biết và thông hiểu - Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. - Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			thông và chia sẻ với mọi người. - Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. - Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực. - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. - Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. - Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Phê phán những người không biết giữ chữ tín. - Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. - Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. - Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá. - Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá. - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. - Nhận biết được biểu hiện của cơ	
--	--	--	--	--

			thể khi bị căng thẳng. - Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng - Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. - Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. + Vận dụng: Học sinh nhận xét hành vi của nhân vật trong tình huống và giải thích vì sao? + Vận dụng cao: Học sinh đặt mình là nhân vật trong tình huống để xử lý hành vi nhân vật.	
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 - Tháng 3/2025	HS nắm được nội dung của tất cả các chủ đề/ bài học đã học từ bài 8 đến bài 11. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. + Nhận biết và thông hiểu - Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. - Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. - Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả. - Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả. - Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. + Vận dụng: Học sinh nhận xét	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			hành vi của nhân vật trong tình huống và giải thích vì sao? + Vận dụng cao: Học sinh đặt mình là nhân vật trong tình huống để xử lý hành vi nhân vật.	
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 34 - Tháng 5/2025	HS nắm được nội dung của tất cả các chủ đề/ bài học đã học từ bài 8 đến bài 12. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. + Nhận biết và thông hiểu - Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. - Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường. - Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả. - Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả. - Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. - Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. - Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác. - Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. + Vận dụng: Học sinh nhận xét hành vi của nhân vật trong tình huống và giải thích vì sao? + Vận dụng cao: Học sinh đặt mình là nhân vật trong tình huống để xử lý hành vi nhân vật.	
--	--	--	---	--

Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 9	- Hiểu hơn về ý nghĩa ngày lễ khai giảng. - Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân. - Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực. - Nhận diện được khả năng tranh biện, thuyết phục của bản thân để bảo vệ quan điểm của mình trong một số tình huống. - Xác định được trách nhiệm với bản thân và mọi người xung quanh cao. - Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra. - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề. - Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình. - Xây dựng tình bạn và biết cách giữ gìn tình bạn. - Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học đường và có kỹ năng phòng tránh bắt nạt học đường. - Nhận biết được những tình huống cần từ chối và thực hiện được kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể. - Thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và quan hệ trên mạng xã hội.	Sản phẩm

Cuối Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 17	- Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường. - Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng. - Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. - Biết sắp đặt công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình. - Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi. - Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp.	Sản phẩm
Giữa Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 27	- Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương. - Tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. - Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện. - Sưu tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số 5. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp để phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của đoàn thanh niên+ sản Hồ Chí Minh đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường. - Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.	Sản phẩm

Cuối Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 34	- Nêu được những thách thức, phẩm chất và năng lực cần có của người làm nghề trong xã hội hiện đại. - Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. - Định hướng được các môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. - rèn luyện được sức khỏe độ bền tính kiên trì sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.	Sản phẩm
------------------	--------	---------	--	----------

Môn Ngữ văn

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI.

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII.

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ 1	90 phút	Tuần 9 (28/10 – 02/11)	Đọc hiểu: Thơ bốn chữ, thơ năm chữ, truyện ngụ ngôn. - Nhận biết: Nhận biết về các yếu tố, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu,... có trong văn bản. - Thông hiểu: Hiểu các đơn vị kiến thức tiếng Việt để làm được các bài tập liên quan đến các phương châm hội thoại, nghĩa gốc, nghĩa chuyển và các phương thức chuyển nghĩa của từ; hiểu được nội dung văn bản. - Vận dụng: Nêu được ý kiến, quan điểm riêng của bản thân. Nêu được ý kiến đề xuất của cá nhân về hiện tượng gợi ra	Tự luận

			từ đoạn trích/ Suy nghĩ về vấn đề gọi ra từ đoạn trích. - Vận dụng cao: Kể lại một truyện ngụ ngôn; viết đoạn văn cảm nhận thơ năm chữ.	
Cuối học kỳ 1	90 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận
Giữa học kỳ 2	90 phút	Tuần 27 (10/3- 15/3)	Độc hiểu: Văn bản thông tin. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản - Thông hiểu: Hiểu các đơn vị kiến thức tiếng Việt để làm được các bài tập liên quan đến khởi ngữ và các thành phần biệt lập; hiểu được nội dung của văn bản. - Vận dụng: Nêu được ý kiến, quan điểm riêng của bản thân. Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. - Vận dụng cao: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	Tự luận
Cuối học kỳ 2	90 phút	Tuần 34 (28/4 – 03/5)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận

Môn Tiếng Anh

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
-------------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------------	--------------------------

Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9 (28/10 – 2/11/2024)	- Nhận biết: Từ vựng Unit 1- 4 - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, Tương lai đơn + Possessive adjective + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm. + Giới từ + There is/ there are/ have got + WH-question + Pronouns/ Articles	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	- Nhận biết + Từ vựng Unit 1 - 8 + Giới từ + WH- question - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, Tương lai đơn + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm. + Transformation + Wordform	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 27 10/03/2025 - 15/03/2025	- Nhận biết + Từ vựng Unit 9 - 12 + Giới từ + Phát âm - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn. - Vận dụng + Chia dạng động từ + Chuyển sang 2 thể + Từ nối: so, too, neither, either + Talk about ability: can - could/ how + Will/ won't in the 1st conditional + Making comparisons - Vận dụng cao + Wordform	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 34 28/04/2025 – 10/05/2025	- Nhận biết + Từ vựng Unit 9 -15 + Giới từ + Phát âm + Modal verbs - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì quá khứ đơn. + Chia dạng động từ	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy.

			- Vận dụng + Wh - question + Transformation + Must/ should + Be going to/ Present continuous - Vận dụng cao + Wordform	
--	--	--	--	--

Môn Toán

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	90 phút	Tuần 9	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	Tự luận và trắc nghiệm
Cuối Học kỳ I	90 phút	Tuần 16	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	Tự luận và trắc nghiệm
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần 27	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải	Tự luận và trắc nghiệm

			quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương.	
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần 34	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương.	Tự luận và trắc nghiệm

Môn Khoa học tự nhiên

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI (28/10 – 2/11)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI (23/12 – 28/12)

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII (10/3 – 15/3)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 33/HKII (5/5 – 10/5)

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9 (28/10-2/11)	- Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên. Chủ đề 1 - Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). - Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử). - Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên. Chủ đề 2 - Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số	40% trắc nghiệm 60% tự luận

			ví dụ về đơn chất và hợp chất. - Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu. - Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H_2, Cl_2, NH_3, H_2O, CO_2, N_2,...). - Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị. - Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như $NaCl$, MgO,...).	
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	Bài 1 Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên. Chủ đề 1 - Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). - Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử). - Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên. Chủ đề 2 - Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. - Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu. - Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình	40% trắc nghiệm 60% tự luận

		thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H_2, Cl_2, NH_3, H_2O, CO_2, N_2,...). - Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị. - Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như $NaCl$, MgO,...). - Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học. - Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng. - Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học. - Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất. - Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử. Chủ đề 3 - Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ, xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, $tốc\ độ = \frac{quãng\ đường\ vật\ đi}{thời\ gian\ đi\ quãng\ đường\ đó}$. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. - Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật). - Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và công quang điện trong dụng cụ thực hành	
--	--	--	--

			ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông. - Nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông. Chủ đề 4 - Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí. - Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. - Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). - Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm. - Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm. - Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém. - Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe. Chủ đề 5 Nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng.	
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 26 (10/3 – 15/3)	Chủ đề 6 - Nêu được tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau. - Nêu được sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm. - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm. - Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được	40% trắc nghiệm 60% tự luận

			Trái Đất có từ trường. - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. Chủ đề 7 - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. - Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. - Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). - Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp. - Nêu được khái niệm quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật). - Viết được phương trình hô hấp dạng chữ quá trình hô hấp ở tế bào - Thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. - Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.	
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 33 (5/5 – 10/5)	Chủ đề 6 - Nêu được tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau. - Nêu được sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.	40% trắc nghiệm 60% tự luận

		- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm. - Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường. - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. Chủ đề 7 - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. - Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. - Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). - Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp. - Nêu được khái niệm quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật). - Viết được phương trình hô hấp dạng chữ quá trình hô hấp ở tế bào - Thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ ở tế bào. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào. - Nêu được một số vận dụng hiểu	
--	--	---	--

		biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. - Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). - Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước. - Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống). - Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước. - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật. - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). - Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người). - Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người). - Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu	
--	--	--	--

		điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). Chủ đề 8 - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). - Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật. - Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). - Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. Chủ đề 9 - Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. - Trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. - Trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.	
--	--	--	--

Môn Lịch sử và Địa lý

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kì I	60	Tuần 9	- Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu. - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo.	Trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý

			- Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu. - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Âu, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. Nhận biết - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. - Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyb), Volga (Vonga). - Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa. - Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. Thông hiểu - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu: khu vực đồng bằng, khu vực miền núi. - Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu: phân hóa bắc nam; các khu vực ven biển với bên trong lục địa. - Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. Vận dụng Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.	50%, lịch sử 50%
Cuối học kì I	60 phút	Tuần 17	- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào. - Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một	Trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%

			trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...). - Nêu được những nét chính về thời Ngô. - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. - Mô tả cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. - Nhận biết đời sống xã hội, văn hóa thời Ngô- Đinh- Tiền Lê. Nhận biết - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á. - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản. - Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. - Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á. Thông hiểu Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. Vận dụng cao Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore).	
Giữa học kì II	60 phút	Tuần 27	- Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững. - Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng. - Mô tả sự thành lập của nhà Trần. - Trình bày được những nét chính	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%).

			về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội - Lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt. - Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502). Nhận biết - Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. - Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia. Thông hiểu Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia. Vận dụng cao Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia.	Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
Cuối học kì II	60 phút	Tuần 34	- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... - Mô tả sự thành lập của nhà Trần. - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội - Lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%

		lược Mông – Nguyên. Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt. - Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia. - Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.	
--	--	--	--

2.3. Khối 8

Môn Nghệ thuật (Mỹ thuật)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 28/10 – 02/11	+ Nghệ thuật 8 (Mỹ thuật 8) Bài “Thiết kế bìa tranh truyện” - Nhận biết: Nhận biết được nội dung, hình thức và các thành phần trên sản phẩm thiết kế. - Thông hiểu: Biết kết hợp hài hoà các yếu tố hình và chữ trong thực	Thực hành

			hành thiết kế. - Vận dụng: Biết thể hiện được hình ảnh trọng tâm trên bìa sách. - Vận dụng cao: Phân tích được giá trị thẩm mỹ, vai trò, chức năng của sản phẩm thiết kế.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 16/12 - 21/12	+ Nghệ thuật 8 (Mỹ thuật 8) Bài “Trường phái Biểu hiện và Lập thể” - Nhận biết: Hiểu được đặc điểm của trường phái Lập thể. - Thông hiểu: Biết được một số hình thức sáng tạo của trường phái Lập thể. - Vận dụng: Vận dụng được cách thể hiện của trường phái Lập thể hoặc Biểu hiện trong thực hành sáng tạo. - Vận dụng cao: Trình bày được quan điểm về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 10/3 – 15/3	+ Nghệ thuật 8 (Mỹ thuật 8) Bài “Thiết kế thời trang với hoa văn dân tộc” - Nhận biết: Biết khai thác hoa văn truyền thống dân tộc để áp dụng trong thiết kế thời trang. - Thông hiểu: Biết khai thác vẻ đẹp đáng người để tạo thiết kế phù hợp. - Vận dụng: Thiết kế được trang phục có sử dụng hoa văn, họa tiết dân tộc em yêu thích. - Vận dụng cao: Cảm nhận được vẻ đẹp của của sản phẩm với chủ đề, có ý thức trân trọng, giới thiệu văn hoá truyền thống.	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 21/4 – 26/4	+ Nghệ thuật 8 (Mỹ thuật 8) Bài “Đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình” - Nhận biết: Nắm được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình. - Thông hiểu: Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân. - Vận dụng: Thực hiện một sản	Thực hành

			phẩm mỹ thuật hoặc video clip về lĩnh vực mỹ thuật tạo hình. - Vận dụng cao: Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.	
--	--	--	--	--

Môn Nghệ thuật (Âm nhạc)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 - 02/11)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12 - 21/12)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt; biết được các khái niệm trong lí thuyết âm nhạc. Kể tên các nhạc sĩ đã học. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc; biết được các thể loại nhạc đàn. Nhận biết được các kí hiệu âm nhạc. Nêu được tên tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ đã học. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với	Thực hành và vấn đáp

			tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, hát bè được một đoạn đơn giản.	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 (10/3 - 15/3)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (21/4 - 26/4)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt; biết được khái niệm nhịp 6/8. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc; biết được các thể loại nhạc đàn. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc, phân biệt được bài hát có sử dụng hát bè và không hát bè. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, hát bè được một đoạn đơn giản.	Thực hành và vấn đáp

Môn Giáo dục thể chất

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa HK1	45 phút	Tuần 8, 9 (từ 22/10 đến 3/11)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	Trắc nghiệm, thực hành
Cuối	45 phút	Tuần 17	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn	Thực

HK1		(từ 25/12 đến 29/12)	thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	hành
Giữa HK2	45 phút	Tuần 26 (từ 12/2 đến 16/2)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến): Thực hiện được kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến): Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	Thực hành
Cuối HK2	45 phút	Tuần 33, 34 (từ 25/3 đến 5/4)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến): Thực hiện được kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kĩ thuật động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến): Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	Thực hành

Môn Giáo dục địa phương

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- Nêu được đặt trưng văn hóa cơ bản trong cách tổ chức văn hóa cụm dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Tìm hiểu được một nét văn hóa cụm dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản phẩm

			- Trình bày được ý nghĩa của cách tổ chức văn hóa cụm dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Đưa ra được giải pháp bảo tồn, phát triển nét văn hóa cụm dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	- Nêu được một số danh nhân lịch sử - văn hóa tiêu biểu cống hiến cho Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được những đóng góp của các danh nhân lịch sử - văn hóa đối với sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh. - Nêu được một số danh nhân lịch sử - văn hóa tiêu biểu cống hiến cho Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được những đóng góp của các danh nhân lịch sử - văn hóa đối với sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản phẩm
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động và tình hình sử dụng lao động ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được vấn đề việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Nêu được chất lượng cuộc sống ở Thành phố Hồ Chí Minh (thu nhập bình quân đầu người, chăm sóc sức khỏe, y tế và tuổi thọ bình quân, giáo dục,...). - Đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề lao động, việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản phẩm
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32	- Nêu được một số vấn đề tài nguyên thiên nhiên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân đối với vấn đề tài nguyên thiên nhiên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Lập kế hoạch, thực hiện tuyên truyền bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản phẩm

Môn Công nghệ

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Nhận biết: Hệ thống hóa kiến thức về bản vẽ kỹ thuật. Thông hiểu - Vận dụng kiến thức về bản vẽ kỹ thuật để giải quyết các câu hỏi xung quanh về vẽ kỹ thuật trong thực tế. - Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu thứ nhất. Vận dụng thấp: Vẽ và ghi được kích thước các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản. Vận dụng cao: Đọc được bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà đơn giản.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	Nhận biết - Hệ thống hóa kiến thức về bản vẽ kỹ thuật. - Nhận biết được một số vật liệu cơ khí. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực cơ khí. Thông hiểu - Vận dụng kiến thức về bản vẽ kỹ thuật để giải quyết các câu hỏi xung quanh về vẽ kỹ thuật trong thực tế. - Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu thứ nhất. - Trình bày được một số phương pháp và quy trình gia công cơ khí bằng tay.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy

			- Thực hiện một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay. - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực cơ khí. Vận dụng thấp - Vẽ và ghi được kích thước các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản. - Trình bày được nội dung cơ bản của truyền và biến đổi chuyển động, cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động. Vận dụng cao - Đọc được bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà đơn giản. - Tháo lắp và tính toán được tỉ số truyền của một số bộ truyền và biến đổi chuyển động.	
Giữa Học kỳ 2		Tuần 26	Nhận biết - Nhận biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện. Thông hiểu - Trình bày được một số biện pháp an toàn điện. - Trình bày được cấu trúc chung của mạch điện. - Trình bày được thành phần và chức năng của các bộ phận chính của mạch điện. - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện. Vận dụng thấp - Sử dụng được một số dụng cụ điện. - Thực hiện được một số động tác cơ bản sơ cứu người bị tai nạn điện. - Mô tả được các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật. - Thiết kế được sản phẩm đơn giản theo gợi ý, hướng dẫn. Vận dụng cao	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra trên giấy.

			- Vẽ và mô tả được sơ đồ khối của mạch điện điều khiển đơn giản. - Phân loại và nêu được vai trò của một số modul cảm biến trong mạch điện điều khiển đơn giản.	
Cuối Học kỳ 2		Tuần 33	Nhận biết - Nhận biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện. - Kể tên được một số ngành nghề chính liên quan đến thiết kế. Thông hiểu - Trình bày được một số biện pháp an toàn điện. - Trình bày được cấu trúc chung của mạch điện. - Trình bày được thành phần và chức năng của các bộ phận chính của mạch điện. - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện. - Trình bày được mục đích và vai trò của thiết kế kỹ thuật. Vận dụng thấp - Sử dụng được một số dụng cụ điện. - Thực hiện được một số động tác cơ bản sơ cứu người bị tai nạn điện. Vận dụng cao - Vẽ và mô tả được sơ đồ khối của mạch điện điều khiển đơn giản. - Phân loại và nêu được vai trò của một số modul cảm biến trong mạch điện điều khiển đơn giản.	Trắc nghiệm, tự luận Kiểm tra tập trung toàn khối

Môn Tin học

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 32/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 - 02/11)	- Nhận biết: Nhận biết các biểu tượng sử dụng để lọc dữ liệu, sắp xếp, vẽ biểu đồ. - Thông hiểu + Phân biệt được các trường hợp lọc dữ liệu. + Phân biệt được trường hợp lọc theo giá trị hay lọc theo điều kiện. - Vận dụng: Thực hiện lọc dữ liệu, sắp xếp, tạo biểu đồ. - Vận dụng cao: Sử dụng loại biểu đồ thích hợp tương ứng với yêu cầu bài tập.	Thực hành, Trắc nghiệm thực hiện trực tuyến
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12 - 21/12)	- Nhận biết + Nhận biết các biểu tượng để hiệu chỉnh ảnh trong văn bản. + Nhận biết biểu tượng tạo bullet và numbering trong văn bản. + Nhận biết các loại địa chỉ trong Excel. - Thông hiểu: Nhận biết thay đổi các loại địa chỉ trong công thức khi sao chép trong excel. - Vận dụng: Vận dụng kiến thức đã học tạo bài trình chiếu, văn bản. - Vận dụng cao: Tính thẩm mỹ trong bài trình chiếu, trình bày văn bản hợp lý.	Trắc nghiệm làm bài trên giấy, Thực hành trên máy tính
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (10/3 - 15/3)	- Nhận biết: Nhận biết cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh. - Thông hiểu: Hiểu được cách hoạt động của cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh. - Vận dụng: Sử dụng cấu trúc rẽ nhánh, biến để thực hiện bài toán. - Vận dụng cao: Kết hợp kí hiệu phép toán và cấu trúc rẽ nhánh giải bài toán.	Thực hành, Trắc nghiệm thực hiện trực tuyến
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32 (21/4 - 26/4)	- Nhận biết: Nhận biết cấu trúc rẽ nhánh, tuần tự, cấu trúc lặp. - Thông hiểu: Biết được cách hoạt động của cấu trúc lệnh đã học để tính toán giá trị của biến hoặc kết quả sau thực hiện đoạn lệnh.	Trắc nghiệm làm bài trên giấy, Thực hành trên

			- Vận dụng + Kết hợp kí hiệu phép toán và cấu trúc rẽ nhánh giải bài toán. + Sử dụng kiến thức đã học giải bài toán tìm max, min, tính tổng. - Vận dụng cao: Sử dụng kiến thức đã học giải bài toán tìm max, min, tính tổng.	máy tính
--	--	--	---	----------

Môn Giáo dục công dân

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 - Tháng 10/2024	- Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống dân tộc. - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá. - Thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Một số biểu hiện của căn cù, sáng tạo trong lao động. - Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương căn cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 17 - Tháng 12/2024	- Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống dân tộc - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá. - Thể hiện được bằng lời nói và việc làm, thái độ tôn trọng sự đa dạng	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng

			của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. - Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động. - Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.	- 10% điểm vận dụng cao
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 - Tháng 3/2025	- Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. - Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình. - Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng. - Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lý.	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 34 - Tháng 5/2025	- Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. - Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình. - Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng. - Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lý. - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại. - Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng

			độc hại. - Nhắc nhở, tuyên truyền người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.	dụng - 10% điểm vận dụng cao
--	--	--	---	---------------------------------

Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 9	- Hiểu hơn về ý nghĩa ngày lễ khai giảng. - Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân. - Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực. - Nhận diện được khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân để bảo vệ quan điểm của mình trong một số tình huống. - Xác định được trách nhiệm với bản thân và mọi người xung quanh cao. - Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra. - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề. - Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình.	Sản phẩm
Cuối Học kỳ 1	1 tiết	Tuần 18	- Xây dựng tình bạn và biết cách giữ gìn tình bạn. - Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học đường và có kỹ năng phòng tránh bắt nạt học đường. - Nhận biết được những tình huống cần từ chối và thực hiện được kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể. - Thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và quan hệ trên mạng xã hội. - Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường. - Thực hiện được những việc làm và	Sản phẩm

			lời nói để người thân hài lòng. - Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. - Biết sắp đặt công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình. - Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi. - Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp.	
Giữa Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 27	- Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương. - Tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. - Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện. - Sưu tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số 5. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của đoàn thanh niên+ sản Hồ Chí Minh đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường.	Sản phẩm
Cuối Học kỳ 2	1 tiết	Tuần 34	- Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được những thách thức, phẩm chất và năng lực cần có của người làm nghề trong xã hội hiện đại. - Tự đánh giá được việc rèn luyện	Sản phẩm

			phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. - Định hướng được các môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. - Rèn luyện được sức khỏe độ bền tính kiên trì sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.	
--	--	--	---	--

Môn Ngữ văn

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI.

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII.

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ 1	90 phút	Tuần 9 (28/10 – 02/11)	Độc hiểu: Thơ sáu chữ, bảy chữ. - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh; sử dụng được những đơn vị từ vựng này trong giao tiếp. - Vận dụng: Nêu được ý kiến, quan điểm riêng của bản thân. Nêu được ý	Tự luận

			kiến đề xuất của cá nhân về hiện tượng gọi ra từ đoạn trích/ Suy nghĩ về vấn đề gọi ra từ đoạn trích. - Vận dụng cao: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do mà em thích.	
Cuối học kỳ 1	90 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận
Giữa học kỳ 2	90 phút	Tuần 27 (10/3- 15/3)	Độc hiểu: Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường. - Nhận biết và phân tích được yếu tố thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản. - Thông hiểu: Hiểu các đơn vị kiến thức tiếng Việt để làm được các bài tập liên quan đến đảo ngữ, câu hỏi tu từ. - Vận dụng: Nêu được ý kiến, quan điểm riêng của bản thân. Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. - Vận dụng cao: Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện (đoạn trích).	Tự luận
Cuối học kỳ 2	90 phút	Tuần 34 (28/4 – 03/5)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận

Môn Tiếng Anh

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh	Thời gian	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức
---------------------------	------------------	----------------------	----------------------------	------------------

giá	(1)			(4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9 (28/10 – 2/11)	- Nhận biết: Từ vựng từ Unit 1 đến Unit 2. - Thông hiểu: Ngữ pháp + past simple tense + past continuous tense + Word forms + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm.	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	- Nhận biết + từ vựng từ Unit 1 đến Unit 4 + Prepositions - Thông hiểu: Ngữ pháp + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm. + present perfect, past simple + questions tags + Word forms	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 27 10/03- 15/03	- Nhận biết: Từ vựng Unit 5 đến Unit 6 - Thông hiểu + Past continuous + Word forms + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm. - Vận dụng + will, be going to - Vận dụng cao + have to/ need to/ must/ should	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 34 28/04 – 10/05	- Nhận biết + Từ vựng từ Unit 5 đến Unit 8 + Prepositions - Thông hiểu: Ngữ pháp + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm. + Word forms - Vận dụng + second conditional - Vận dụng cao + present perfect passive: questions	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy

Môn Toán

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	90 phút	Tuần 9	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	Tự luận và trắc nghiệm
Cuối Học kỳ I	90 phút	Tuần 16	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	Tự luận và trắc nghiệm
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần 27	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương.	Tự luận và trắc nghiệm
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần 34	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức	Tự luận và trắc nghiệm

			đã được dạy ở mức độ tương đương.	
--	--	--	-----------------------------------	--

Môn Khoa học tự nhiên

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI (28/10 – 2/11)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI (23/12 – 28/12)

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII (10/3 – 15/3)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 33/HKII (5/5 – 10/5)

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9 (28/10-2/11)	Bài 1 - Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 8. - Nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn. Chủ đề 1 – Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. – Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học. – Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. – Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm. – Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. – Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). – Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m). – Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí. – So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối. – Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C.	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án; 40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.

			– Sử dụng được công thức $n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(\text{L/mol})}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C. – Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau. – Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol. – Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức. – Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. – Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học. – Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. – Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. – Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C. – Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lý thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế. – Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học). – Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế. – Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng. – Nêu được khái niệm về chất xúc tác. Chủ đề 2 – Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+) – Nêu và giải thích được hiện tượng	
--	--	--	---	--

			xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. – Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H₂SO₄, CH₃COOH).	
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	Bài 1 – Nhận biết được các thiết bị điện trong môn Khoa học tự nhiên 8 và trình bày được cách sử dụng điện an toàn. Chủ đề 1 – Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. – Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học. – Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. – Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm. – Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. – Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). – Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m). – Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí. – So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối. – Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C. – Sử dụng được công $n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(\text{L/mol})}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C. – Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau.	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án; 40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.

		– Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol. – Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức. – Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. – Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học. – Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. – Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. – Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 0 C. – Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế. – Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học). – Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế. – Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng. – Nêu được khái niệm về chất xúc tác. Chủ đề 2 – Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+) – Nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. – Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H_2SO_4, CH_3COOH). – Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-).	
--	--	---	--

			– Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. – Nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. – Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. – Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...). – Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất. – Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. – Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen. – Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính). – Nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide. – Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H^+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH_4^+ – Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan. – Trình bày được một số phương pháp điều chế muối. – Đọc được tên một số loại muối thông dụng. – Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối. – Trình bày được mối quan hệ giữa	
--	--	--	---	--

		acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide. – Trình bày được vai trò của phân bón (một trong những nguồn bổ sung một số nguyên tố: đa lượng, trung lượng, vi lượng dưới dạng vô cơ và hữu cơ) cho đất, cây trồng. – Nêu được thành phần và tác dụng cơ bản của một số loại phân bón hoá học đối với cây trồng (phân đạm, phân lân, phân kali, phân N–P–K). – Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hoá học (không đúng cách, không đúng liều lượng) đến môi trường của đất, nước và sức khoẻ của con người. – Đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của phân bón. Chủ đề 3 - Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, <i>khối lượng riêng = khối lượng/thể tích</i>. – Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng. – Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, $\text{áp suất} = \text{áp lực}/\text{diện tích bề mặt}$. – Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng. – Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh họa. – Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột. – Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí). – Nêu được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes (Acsimet).	
--	--	--	--

Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 26 (10/3 – 15/3)	Chủ đề 5 – Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. – Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát. – Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. – Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. – Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. – Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. – Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện. – Minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. – Nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. – Nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. – Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. Chủ đề 6 – Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. – Nêu được: Khi một vật được làm	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án; 40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.
---------------	---------	--------------------------	--	--

		nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng. – Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó. – Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. – Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính. – Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt – Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. Chủ đề 7 – Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. – Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động. – Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khỏe học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. – Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình. – Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác.	
--	--	--	--

			– Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. – Nêu được tác hại của bệnh loãng xương.	
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 33 (5/5 – 10/5)	Chủ đề 5 – Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. – Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát. – Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. – Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. – Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. – Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. – Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện. – Minh hoạ được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. – Nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. – Nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. – Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế. – Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án; 40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.

			(voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. Chủ đề 6 – Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. – Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng. – Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó – Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. – Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính. – Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt – Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. Chủ đề 7 – Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. – Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. – Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đôn bầy vào hệ vận động. – Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khỏe học đường liên quan hệ vận động. Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. – Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp. – Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để	
--	--	--	---	--

			bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. – Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. – Nêu được tác hại của bệnh loãng xương. – Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng. Nêu được mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng. – Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. – Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hoá ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá. – Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi. – Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. – Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...). – Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình. – Trình bày được một số vấn đề về an toàn thực phẩm, cụ thể: + Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm. Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm. + Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh họa. Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến. + Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm; + Trình bày được cách bảo quản,	
--	--	--	--	--

			chế biến thực phẩm an toàn. + Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này. – Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp. – Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn. – Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương). – Nêu được khái niệm nhóm máu. Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn. – Kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn. – Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể. – Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh. – Trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người. Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khỏe mạnh. – Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó. – Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình. – Nêu được chức năng của hệ hô hấp. – Kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ	
--	--	--	---	--

			quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp. – Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống. – Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình. – Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp. – Nêu được chức năng của hệ bài tiết. – Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu. – Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận. – Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết và cách phòng chống các bệnh đó. – Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khỏe. – Nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể. – Nêu được khái niệm cân bằng môi trường trong và vai trò của sự duy trì ổn định môi trường trong của cơ thể (ví dụ nồng độ glucose, nồng độ muối trong máu, urea, uric acid, pH). – Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. – Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tủy sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). – Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. – Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. – Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. – Kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu	
--	--	--	--	--

			nhận ánh sáng. Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. – Kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai. – Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng và chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ,...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). – Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình. – Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. – Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...) và cách phòng chống các bệnh đó. – Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da. Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. – Nêu được khái niệm thân nhiệt. Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. – Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. – Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. – Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. – Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. – Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị	
--	--	--	--	--

			thành niên. Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân. – Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật, phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa các môi trường sống của sinh vật.	
--	--	--	---	--

Môn Lịch sử và Địa lý

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kì I	60	Tuần 9	Nhận biết: Biết được một số nét chính của Cách mạng tư sản Pháp. Vận dụng cao: Tại sao Cách mạng tư sản Anh không triệt để. Nhận biết: Biết được một số thành tựu trong cách mạng công nghiệp. Vận dụng cao: Tác động quan trọng của Cách mạng công nghiệp đối với sản xuất. Nhận biết: Biết được lí do xâm nhập Đông Nam Á của thực dân Phương Tây. Nhận biết: Biết được quá trình khai phá vùng đất phía Nam của các Chúa Nguyễn. Nhận biết: Biết được những hệ quả của cuộc xung đột Nam Bắc và Trịnh Nguyễn. Thông hiểu: Sông Gianh thuộc địa phận tỉnh nào ở miền Trung. Nhận biết: Biết được đặc điểm của đồng bằng ven biển miền Trung. Vận dụng cao: Nêu được các thiên tai thường xảy ra đối với đồng bằng ven biển miền Trung. Nhận biết: Biết được ảnh hưởng của địa hình đối với khí hậu, sông ngòi, đất... Thông hiểu: Nhận biết được một số loại khoáng sản nước ta phân bố ở đâu?	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%

			Vận dụng: Trình bày được nguyên nhân làm cạn kiệt tài nguyên khoáng sản.	
Cuối học kì I	60 phút	Tuần 17	Nhận biết: Biết được các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra ở Đàng ngoài TK XVI đến XVIII; Biết được thành tựu về tình hình tôn giáo và văn hóa ở Đại Việt thế kỉ XVI đến TK XVIII; Biết được nguyên nhân nổ ra khởi nghĩa nông dân Tây Sơn Vận dụng cao: Đánh giá vai trò 2TN 1TL CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XIX Nguyễn Huệ trong cuộc chiến chống quân Xiêm và Thanh - Ý nghĩa việc Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Quang Trung; Biết được hoàn cảnh ra đời của Công xã Pa ri 1871; Biết được sự ra đời của giai cấp công nhân; Biết được đặc điểm của khí hậu Việt Nam Vận dụng: Chứng minh khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng; Biết được lưu vực các hệ thống sông lớn nước ta. Vận dụng cao - Nguyên nhân làm cho sông ngòi nước ta bị ô nhiễm. - Giải pháp giúp bảo vệ sông ngòi. - Vai trò của hồ, đầm nước ngầm đối với sản xuất và đời sống. Nhận biết: Biết được tác động của khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam.	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
Giữa học kì II	60 phút	Tuần 27	Nhận biết: Biết được một số nét chính về các thành tựu về sự phát triển khoa học kỹ thuật TK XVIII – XIX. Nhận biết: Biết được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. Vận dụng: Nắm được sơ lược về cuộc Cách mạng Tân Hợi. Nhận biết: Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị. Vận dụng: Nắm được những biểu	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%

			hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản cuối TK XIX đầu XX. Nhận biết: Nắm được tình hình kinh tế, chính trị xã hội Ấn Độ nửa sau TK XIX. Vận dụng cao: Nhận xét được mục tiêu và phương pháp đấu tranh của Đảng Quốc đại. Nhận biết: Nắm được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á nửa sau TK XIX đầu TK XX. Thông hiểu: Nhận xét về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á nửa sau TK XIX đến đầu XX. Nhận biết: Nắm được một số nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội dưới thời Nguyễn. Vận dụng: Nắm được quá trình thực thi chủ quyền 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhận biết: Hiểu được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. Vận dụng: Biết được đặc điểm phân bố một số nhóm đất chính ở nước ta. Nhận biết: Phân tích được đặc điểm của 3 nhóm đất feralit, phù sa và đất mùn núi cao. Vận dụng cao: Nắm được một số đặc điểm của từng nhóm đất vận dụng trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Nhận biết: Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật Việt Nam Vận dụng: Nêu ra được một số nguyên nhân và biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học. Nhận biết: Nắm được vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước. Vận dụng: Trình bày được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch.	
--	--	--	--	--

Cuối học kì II	60 phút	Tuần 34	Nhận biết: Nắm được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam 1858-1884. Thông hiểu: Nắm được các nội dung chính của các Hiệp ước triều Nguyễn ký với Pháp. Nhận biết: Biết được một số diễn biến chính trong của Phong trào Cần Vương 1885-1896, và khởi nghĩa Yên Thế 1884-1913. Nhận biết: Nắm được nguyên nhân đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước nửa cuối thế kỉ XIX. Thông hiểu: Biết được những đề nghị cải cách của các sĩ phu yêu nước. Vận dụng: Vận dụng kiến thức đã học nêu được một số bài học cho chúng ta ngày nay qua các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu. Nhận biết: Nắm được vị trí và phạm vi của Biển Đông. Thông hiểu: Xác định được các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. Vận dụng: Trình bày được vai trò của Biển Đông đối với Việt Nam. Nhận biết: Nắm được các bộ phận của vùng biển nước ta. Vận dụng: Xác định trên lược đồ được hướng chảy của các dòng biển nóng và dòng biển lạnh.	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
-------------------	---------	---------	---	---

2.4. Khối 9

Môn Nghệ thuật (Mỹ thuật)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 28/10 –	+ Nghệ thuật 9 (Mỹ thuật 9) Bài “Kiến trúc đô thị”	Thực hành

		02/11	- Nhận biết: Nhận biết được tỉ lệ của hình, khối, màu sắc và không gian trong kiến trúc đô thị. - Thông hiểu: Phân tích vẻ đẹp hài hoà của hình, khối, màu sắc, không gian trong sản phẩm kiến trúc đô thị. - Vận dụng: Thể hiện được hình khối, màu sắc và không gian của kiến trúc đô thị trong sản phẩm thực hành. - Vận dụng cao: Có ý thức tuyên truyền bảo vệ không gian sống xanh, sạch, đẹp, phù hợp truyền thống văn hoá vùng miền.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 16/12 - 21/12	+ Nghệ thuật 9 (Mỹ thuật 9) Bài “Biển đảo Việt Nam” - Nhận biết: Nhận thức và hiểu được vẻ đẹp cùng sự đa dạng, phong phú của biển đảo Việt Nam, xác định được đối tượng sáng tạo. - Thông hiểu: Phân tích được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật; nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật. - Vận dụng: Vận dụng được hình ảnh thực tiễn để xây dựng ý tưởng và thực hành sáng tạo. - Vận dụng cao: Biết lan toả ý thức gìn giữ cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quê hương.	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 10/3 – 15/3	+ Nghệ thuật 9 (Mỹ thuật 9) Bài “Nghệ thuật múa rối nước” - Nhận biết: Nhận biết được cấu trúc, đặc điểm tạo hình, chuyển động của nhân vật rối nước. - Thông hiểu: Trình bày được ý tưởng và kĩ thuật thực hiện sản phẩm rối nước. - Vận dụng: Xây dựng phương án và thiết kế được sản phẩm có tỉ lệ, kích thước phù hợp với hoạt cảnh biểu diễn. - Vận dụng cao: Gìn giữ và phát huy được những giá trị văn hoá của dân	Thực hành

			tộc.	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 21/4 – 26/4	+ Nghệ thuật 9 (Mỹ thuật 9) Bài “Đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng” - Nhận biết: Liệt kê được một số ngành nghề thuộc hoặc liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng. - Thông hiểu: Bước đầu hình thành được định hướng nghề theo sở thích cá nhân. - Vận dụng: Viết được một bài luận (hoặc vẽ được bản đồ tư duy, thực hiện được một đoạn phim ngắn) giới thiệu ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng. - Vận dụng cao: Hiểu được vai trò, ý nghĩa và phát huy năng lực sáng tạo mỹ thuật ứng dụng trong đời sống văn hoá xã hội.	Thực hành

Môn Nghệ thuật (Âm nhạc)

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 - 02/11)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12 -	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình	Thực hành và

		21/12)	nốt; biết được các khái niệm trong lý thuyết âm nhạc. Kể tên các nhạc sĩ đã học. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc; biết được các thể loại nhạc đàn. Nhận biết được các kí hiệu âm nhạc. Nêu được tên tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ đã học. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, hát bè được một đoạn đơn giản.	vấn đáp
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 (10/3 - 15/3)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 33 (21/4 - 26/4)	- Nhận biết: Biết tên tác giả của bài hát; nhận biết được nốt nhạc và hình nốt; biết được khái niệm hợp âm, dịch giọng. - Thông hiểu: Hát rõ lời và thuộc lời; đọc đúng tên nốt nhạc và hình nốt bài đọc nhạc; hiểu được tác dụng của dịch giọng. - Vận dụng thấp: Hát đúng cao độ, trường độ bài hát; đọc đúng cao độ, trường độ của bài đọc nhạc, nhận biết được giọng trên bản nhạc. - Vận dụng cao: Cảm nhận được sắc thái bài hát, biết điều chỉnh giọng	Thực hành và vấn đáp

			hát để biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc; phát biểu cảm nhận khi nghe tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ nổi tiếng, trình bày được một ca khúc mang âm hưởng dân ca.	
--	--	--	--	--

Môn Giáo dục thể chất

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa HK1	45 phút	Tuần 8, 9 (từ 22/10 đến 3/11)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	Trắc nghiệm, thực hành
Cuối HK1	45 phút	Tuần 17 (từ 25/12 đến 29/12)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện.	Thực hành
Giữa HK2	45 phút	Tuần 26 (từ 12/2 đến 16/2)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến): Thực hiện được kỹ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến): Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	Thực hành
Cuối HK2	45 phút	Tuần 33, 34 (từ 25/3 đến 5/4)	- Nhận biết: Nêu được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, tên bài tập. - Thông hiểu: Mô tả được các giai đoạn thực hiện kỹ thuật động tác, bài tập. Hiểu được cách thực hiện. - Vận dụng (dự kiến): Thực hiện được kỹ thuật động tác, bài tập. Có thể tự nhận xét về thực hiện kỹ thuật	Thực hành

			động tác, bài tập. Có thể hướng dẫn, góp ý nhận xét cho các bạn. - Vận dụng cao (dự kiến): Tự tổ chức tập luyện theo nhóm hoặc theo hướng dẫn. Chỉ ra được sai lầm thường mắc và cách khắc phục. Nắm được một số điều luật cơ bản.	
--	--	--	--	--

Môn Công nghệ

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 33/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Nhận biết: Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng nghề nghiệp, nhận ra các thời điểm có sự phân luồng, cơ hội lựa chọn nghề nghiệp. Thông hiểu: Hiểu được các hướng đi nào liên quan đến nghề nghiệp, tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.	Tự luận Kiểm tra trên giấy.
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	Nhận biết: Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp, vai trò của thị trường lao động trong định hướng nghề nghiệp, tóm tắt một số lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. Thông hiểu: các hướng đi nào liên quan đến nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ sau khi TN THCS; mô tả được hệ thống giáo dục tại Việt Nam và thị trường lao động trong định hướng nghề nghiệp, yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Vận dụng: Tìm được các ngành nghề trong trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp tại địa phương, các trường	Tự luận Kiểm tra trên giấy.

			trung cấp nghề, trình độ đào tạo sau cấp THCS, chọn một nghề phù hợp với bản thân.	
Giữa Học kỳ 2		Tuần 26	Nhận biết: Mô tả được chức năng cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị điện, đồng hồ đo điện, nhận biết các sơ đồ mạch điện, thiết bị vật liệu dụng cụ dùng cho lắp đặt mạch điện trong nhà. Thông hiểu: Hiểu được cách sử dụng các thiết bị điện, đồng hồ đo điện, tìm hiểu hoạt động của sơ đồ nguyên lý, lắp đặt mạch điện trong nhà cơ bản.	Tự luận Kiểm tra trên giấy..
Cuối Học kỳ 2		Tuần 33	Nhận biết: An toàn lao động trong nghề điện, các mạch điện cơ bản được lắp đặt trong mạng điện trong nhà, một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt trong mạng điện trong nhà. Thông hiểu: Tính toán chi phí cơ bản cho mạng điện trong nhà đơn giản và dự trù các nguyên vật liệu và vẽ được các sơ đồ nguyên lý và thực hành cho các mạch đèn cơ bản, đèn cầu thang, đèn luân phiên; thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. Vận dụng: Thực hành mạch đèn cơ bản, đèn cầu thang, đèn luân phiên, chọn được một ngành nghề liên quan đến lắp đặt trong mạng điện trong nhà.	Tự luận Kiểm tra tập trung toàn khối.

Môn Tin học

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 32/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 (28/10 -	* Nhận biết - Xác định thiết bị có gắn thiết bị xử	Thực hành

		02/11)	lý thông tin. - Xác định được ứng dụng của máy tính trong đời sống, khoa học kỹ thuật. - Biết ý nghĩa hàm IF trong Excel. * Thông hiểu - Xác định được trường hợp sử dụng IF hoặc IF lồng - Xác định được điều kiện, giá trị đúng, giá trị sai trong cấu trúc hàm IF (IF lồng) theo yêu cầu cụ thể của đề bài. * Vận dụng - Sử dụng được hàm IF lồng trong chương trình Excel để tính toán theo yêu cầu. - Thực hiện được thao tác nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu, sao chép công thức, lưu tập tin trong Excel. * Vận dụng cao: Sử dụng được hàm IF lồng trong chương trình Excel để tính toán theo yêu cầu.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16 (16/12 - 21/12)	* Nhận biết - Biết ý nghĩa các hàm: IF, COUNTIF, SUMIF, AVERAGE. - Biết được tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin. * Thông hiểu - Tình huống đánh giá chất lượng thông tin. - Phân biệt trường hợp sử dụng hàm IF, COUNTIF, SUMIF, AVERAGE. - Tính toán được kết quả công thức cho trước đối với các hàm IF, COUNTIF, SUMIF, AVERAGE. * Vận dụng: Sử dụng 1 trong số các hàm IF, COUNTIF, SUMIF, AVERAGE trong chương trình Excel để tính toán theo yêu cầu. * Vận dụng cao: Sử dụng được hàm IF lồng trong chương trình Excel để tính toán theo yêu cầu.	Trắc nghiệm - Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26 (10/3 - 15/3)	* Nhận biết - Phân biệt bài toán tin học với bài toán khác. - Biết được các khái niệm input,	Trắc nghiệm trực tuyến

			output là gì. - Biết được ý nghĩa các kí hiệu trong lưu đồ thuật toán. - Biết được tên phần mềm mô phỏng đã học. * Thông hiểu: Xác định được bài toán tin học, input, output của bài toán tin học. * Vận dụng - Xác định thuật toán bài toán đơn giản. - Tính toán kết quả một đoạn lệnh cho trước. * Vận dụng cao: Xác định thuật toán (chọn đáp án để điền khuyết) bài toán thực tế được biểu diễn bằng lưu đồ.	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32 (21/4 - 26/4)	* Nhận biết - Biết được thao tác để chèn video, hình ảnh, biểu đồ vào PowerPoint. - Biết được nguyên tắc sử dụng biểu đồ, hình ảnh, video trong slide một cách hợp lí. - Biết được tên của một số phần mềm mô phỏng và công dụng mỗi phần mềm mô phỏng. * Thông hiểu: Tính giá trị cho đoạn lệnh, điền khuyết cho thuật toán (chọn đáp án đúng). * Vận dụng: Chuẩn bị nội dung theo chủ đề (an toàn khi sử dụng mạng xã hội, bảo vệ môi trường) sắp xếp bố cục trình bày. * Vận dụng cao - Thực hiện thành thạo các thao tác đánh kèm tệp (văn bản, ảnh, âm thanh, video, trang tính) vào bài trình chiếu và sơ đồ tư duy để trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác. - Trình bày nội dung hợp lí, bố cục rõ ràng. - Trình bày nội dung theo nguyên tắc khi thiết kế bài trình chiếu.	Trắc nghiệm + Thực hành

Môn Giáo dục công dân

Bài kiểm tra, đánh	Thời gian	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức
--------------------	-----------	---------------	---------------------	-----------

giá	(1)			(4)
Giữa học kỳ 1	45 phút	Tuần 9 - Tháng 10/2024	HS nắm được nội dung của các bài 1, 2, 3. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Cụ thể: - Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. - Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn. - Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng. - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. - Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống.	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao
Cuối học kỳ 1	45 phút	Tuần 17 - Tháng 12/2024	Học sinh nắm được nội dung của các bài 1, 2, 3, 4, 5, 6. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Cụ thể: * Bài 1 - Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. * Bài 2	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng

		- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Nhận biết được giá trị của khoan dung. - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn. * Bài 3 - Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng. - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. - Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. - Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng. - Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng. * Bài 4 - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. - Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống. - Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống. * Bài 5 - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. - Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình. - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc việc bảo	- 10% điểm vận dụng cao
--	--	---	---

			vệ hoà bình. * Bài 6 - Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả. - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. - Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả. - Có trách nhiệm trong việc quản lí thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống. - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc xác định quản lí thời gian cá nhân.	
Giữa học kỳ 2	45 phút	Tuần 27 - Tháng 3/2025	Học sinh nắm được nội dung của các bài 7, 8, 9. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Cụ thể: * Bài 7 - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. * Bài 8 - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh. - Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. * Bài 9 - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			- Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	
Cuối học kỳ 2	45 phút	Tuần 34 - Tháng 5/2025	Học sinh nắm được nội dung của các bài 7, 8, 9, 10. Vận dụng thực hành được các nội dung bài học vào bài tập và tình huống xảy ra trong thực tế cuộc sống. Cụ thể: * Bài 7 - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. - Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống. * Bài 8 - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh. - Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch tiêu dùng thông minh. * Bài 9 - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. - Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật. * Bài 10	Tự luận + trắc nghiệm - 40% điểm nhận biết - 30% điểm thông hiểu - 20% điểm vận dụng - 10% điểm vận dụng cao

			- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi. - Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	
--	--	--	---	--

Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	1 tiết	Tuần 9	- Thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt với các bạn và thầy cô. - Rèn luyện cách ứng phó với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống. - Thích nghi với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống. - Xác định được trách nhiệm với bản thân và mọi người xung quanh cao. - Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra. - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề. - Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình.	Sản phẩm
Cuối học kỳ 1	1 tiết	Tuần 17	- Tham gia các hoạt động giáo dục trong nhà trường do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức - Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học đường và có kỹ năng phòng tránh bắt nạt học đường. - Đánh giá kết quả hoạt động giáo dục phòng chống bắt nạt học đường.	Sản phẩm

			- Chung tay xây dựng gia đình hạnh phúc. - Giải quyết bất đồng trong quan hệ giữa bản thân với các thành viên trong gia đình. - Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng. - Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. - Biết sắp đặt công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình. - Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi. - Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp.	
Giữa học kỳ 2	1 tiết	Tuần 27	- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng ở địa phương. - Tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. - Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống ở địa phương. - Thực hiện đề tài khảo sát về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường tại địa bàn sinh sống. - Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. - Thiết kế sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh của đất nước.	Sản phẩm
Cuối học kỳ 2	1 tiết	Tuần 34	- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quảng bá về cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của đất nước. - Tìm hiểu phẩm chất và năng lực cần có của người làm những nghề mà em quan tâm. - Đánh giá và rèn luyện phẩm chất, năng lực liên quan đến nghề mà em quan tâm. - Tham vấn ý kiến của người thân, thầy cô về con đường học tập và làm việc sau trung học cơ sở. - Ra quyết định lựa chọn con	Sản phẩm

			đường học tập, làm việc sau trung học cơ sở. - Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân để đạt được yêu cầu của định hướng nghề nghiệp. - rèn luyện được sức khỏe độ bền tính kiên trì sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.	
--	--	--	--	--

Môn Ngữ văn

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI.

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII.

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII.

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kỳ 1	90 phút	Tuần 9 (28/10 – 02/11)	Đọc hiểu ngữ liệu trong văn bản nghị luận, văn bản thơ ngoài sách giáo khoa. - Nhận biết chi tiết, hình ảnh, trong bản. - Thông hiểu: Nội dung, vấn đề đặt ra trong văn bản, chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng; Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp, việc sử dụng dấu câu. - Vận dụng: Nhận thức, liên hệ vấn đề được gợi ra trong văn bản với thực tiễn cuộc sống. - Vận dụng cao: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.	Tự luận
Cuối học kỳ 1	90 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận
Giữa học kỳ 2	90 phút	Tuần 27 (10/3-	Đọc ngữ liệu trong văn bản thông tin ngoài sách giáo khoa.	Tự luận

		15/3)	- Nhận biết chi tiết, hình ảnh, trong bản. - Thông hiểu: Nội dung, vấn đề đặt ra trong văn bản. Lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép, Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng. - Vận dụng: Nhận thức, liên hệ vấn đề được gọi ra trong văn bản với thực tiễn cuộc sống. - Vận dụng cao: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.	
Cuối học kỳ 2	90 phút	Tuần 34 (28/4 – 03/5)	Theo giới hạn của giáo viên mạng lưới định hướng.	Tự luận

Môn Tiếng Anh

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 9 (28/10 – 2/11)	- Nhận biết: Từ vựng Starter Unit đến Unit 2 - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn. + Pronunciation: Phát âm và đánh dấu trọng âm. + Chuyển từ quá khứ sang HTHT + Cấu trúc so...that/ such... that + Câu hỏi đuôi. + Cấu trúc câu: Used to + V1	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	- Nhận biết: Từ vựng Starter Unit đến Unit 3 - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, HTHT + Relative clauses + S. past – Present perfect	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy

			+ Adverb clauses and phrase of reason + Phrases of concession	
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 27 10/0315/03	- Nhận biết: Từ vựng Unit 4 đến Unit 6 - Thông hiểu: Giới từ; modal verbs - Vận dụng + Ability, advice and obligation + Gerunds and infinitives + Wish clauses. - Vận dụng cao: Word-form	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 34 28/04 – 10/05	- Nhận biết: Từ vựng Unit 4 đến Unit 8 (p.105) - Thông hiểu: Ngữ pháp + Thì tương lai đơn... - Vận dụng: + Relative clauses + Wish clauses + Passive voice: S. past, s. present, s. future + Reflexive pronouns + Adverbial clauses of result. - Vận dụng cao: Reported speech	Trắc nghiệm + tự luận Trực tiếp trên giấy

Môn Toán

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 16/HKI

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 27/HKII

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ II: tuần 34/HKII

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	90 phút	Tuần 9	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	Tự luận
Cuối Học kỳ I	90 phút	Tuần 16	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt	Tự luận

			ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải.	
Giữa Học kỳ II	90 phút	Tuần 27	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương.	Tự luận
Cuối Học kỳ II	90 phút	Tuần 34	- Nhận ra các khái niệm, nội dung, vấn đề đã học khi được yêu cầu. - Có khả năng diễn đạt được kiến thức đã học theo ý hiểu của mình và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra tương tự hoặc gần với các bài tập đã được giải. - Vận dụng kiến thức để giải bài toán. - Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương.	Tự luận

Môn Khoa học tự nhiên

Số lần kiểm tra đánh giá định kỳ như sau:

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I: tuần 9/HKI (28/10 – 2/11)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 17/HKI (23/12 – 28/12)

Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II: tuần 26/HKII (10/3 – 15/3)

Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I: tuần 33/HKII (5/5 – 10/5)

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kì I	60 phút	Tuần 9 (28/10-2/11)	- Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 9. - Trình bày được các bước viết và	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án;

		trình bày báo cáo; làm được bài thuyết trình một vấn đề khoa học. - Viết được biểu thức tính động năng của vật. - Viết được biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất. - Nêu được cơ năng là tổng động năng và thế năng của vật. Vận dụng khái niệm cơ năng phân tích được sự chuyển hoá năng lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Phân tích ví dụ cụ thể để rút ra được: công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực, công suất là tốc độ thực hiện công. - Liệt kê được một số đơn vị thường dùng đo công và công suất. Tính được công và công suất trong một số trường hợp đơn giản. - Thực hiện thí nghiệm chứng tỏ được khi truyền từ môi trường này sang môi trường khác, tia sáng có thể bị khúc xạ (bị lệch khỏi phương truyền ban đầu). - Thực hiện được thí nghiệm để rút ra và phát biểu được định luật khúc xạ ánh sáng. - Nêu được chiết suất có giá trị bằng tỉ số tốc độ ánh sáng trong không khí (hoặc chân không) với tốc độ ánh sáng trong môi trường. - Vận dụng được biểu thức $n = \frac{\sin i}{\sin r}$ trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về sự khúc xạ ánh sáng, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. - Thực hiện thí nghiệm với lăng kính tạo được quang phổ của ánh sáng trắng qua lăng kính. - Giải thích được một cách định tính sự tán sắc ánh sáng Mặt Trời qua lăng kính. - Từ kết quả thí nghiệm truyền ánh sáng qua lăng kính, nêu được khái niệm về ánh sáng màu.	40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.
--	--	--	---

			- Vẽ được sơ đồ đường truyền của tia sáng qua lăng kính. - Nêu được màu sắc của một vật được nhìn thấy phụ thuộc vào màu sắc của ánh sáng bị vật đó hấp thụ và phản xạ. Vận dụng kiến thức về màu sắc ánh sáng, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được điều kiện xảy ra phản xạ toàn phần và xác định được góc tới hạn. - Giải thích được nguyên lý hoạt động của thấu kính bằng việc sử dụng sự khúc xạ của một số các lăng kính nhỏ. - Nêu được các khái niệm: quang tâm, trục chính, tiêu điểm chính và tiêu cự của thấu kính. - Tiến hành thí nghiệm rút ra được đường đi một số tia sáng qua thấu kính (tia qua quang tâm, tia song song quang trục chính). - Vẽ được ảnh qua thấu kính. - Thực hiện thí nghiệm khẳng định được: Ảnh thật là ảnh hứng được trên màn; ảnh ảo là ảnh không hứng được trên màn. - Vẽ được sơ đồ tỉ lệ để giải các bài tập đơn giản về thấu kính hội tụ. - Đo được tiêu cự của thấu kính hội tụ bằng dụng cụ thực hành. Mô tả được cấu tạo và sử dụng được kính lúp. - Thực hiện thí nghiệm đơn giản để nêu được điện trở có tác dụng cản trở dòng điện trong mạch. - Thực hiện thí nghiệm để xây dựng được định luật Ohm: cường độ dòng điện đi qua một đoạn dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn dây và tỉ lệ nghịch với điện trở của nó. - Nêu được (không yêu cầu thành lập): Công thức tính điện trở của một đoạn dây dẫn (theo độ dài, tiết diện, điện trở suất).	
--	--	--	---	--

		Sử dụng công thức đã cho để tính được điện trở của một đoạn dây dẫn trong trường hợp đơn giản. - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Trong đoạn mạch điện mắc nối tiếp, cường độ dòng điện là như nhau cho mọi điểm. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc nối tiếp. - Nêu được (không yêu cầu thành lập) công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều nối tiếp. - Tính được điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều nối tiếp trong một số trường hợp đơn giản. Tính được cường độ dòng điện trong đoạn mạch một chiều mắc nối tiếp trong một số trường hợp đơn giản - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Trong đoạn mạch điện mắc song song, tổng cường độ dòng điện trong các nhánh bằng cường độ dòng điện chạy trong mạch chính. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc song song. - Nêu được (không yêu cầu thành lập) công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều song song. - Tính được điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều song song trong một số trường hợp đơn giản. Tính được cường độ dòng điện trong đoạn mạch một chiều mắc song song trong một số trường hợp đơn giản. - Lấy ví dụ để chứng tỏ được dòng điện có năng lượng. - Nêu được công suất điện định mức của dụng cụ điện (công suất mà dụng cụ tiêu thụ khi hoạt động bình thường).	
--	--	---	--

			Tính được năng lượng của dòng điện và công suất điện trong trường hợp đơn giản.	
Cuối học kì I	60 phút	Tuần 17 (23/12 – 28/12)	- Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong dạy học môn Khoa học tự nhiên 9. - Trình bày được các bước viết và trình bày báo cáo; làm được bài thuyết trình một vấn đề khoa học. - Viết được biểu thức tính động năng của vật. - Viết được biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất. - Nêu được cơ năng là tổng động năng và thế năng của vật. Vận dụng khái niệm cơ năng phân tích được sự chuyển hoá năng lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Phân tích ví dụ cụ thể để rút ra được: công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực, công suất là tốc độ thực hiện công. - Liệt kê được một số đơn vị thường dùng đo công và công suất. Tính được công và công suất trong một số trường hợp đơn giản. - Thực hiện thí nghiệm chứng tỏ được khi truyền từ môi trường này sang môi trường khác, tia sáng có thể bị khúc xạ (bị lệch khỏi phương truyền ban đầu). - Thực hiện được thí nghiệm để rút ra và phát biểu được định luật khúc xạ ánh sáng. - Nêu được chiết suất có giá trị bằng tỉ số tốc độ ánh sáng trong không khí (hoặc chân không) với tốc độ ánh sáng trong môi trường. - Vận dụng được biểu thức $n = \frac{\sin i}{\sin r}$ trong một số trường hợp đơn giản. - Vận dụng kiến thức về sự khúc xạ ánh sáng, giải thích. được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. - Thực hiện thí nghiệm với lăng kính tạo được quang phổ của ánh	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án; 40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.

			sáng trắng qua lăng kính. - Giải thích được một cách định tính sự tán sắc ánh sáng Mặt Trời qua lăng kính. - Từ kết quả thí nghiệm truyền ánh sáng qua lăng kính, nêu được khái niệm về ánh sáng màu. - Vẽ được sơ đồ đường truyền của tia sáng qua lăng kính. - Nêu được màu sắc của một vật được nhìn thấy phụ thuộc vào màu sắc của ánh sáng bị vật đó hấp thụ và phản xạ. Vận dụng kiến thức về màu sắc ánh sáng, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được điều kiện xảy ra phản xạ toàn phần và xác định được góc tới hạn. - Giải thích được nguyên lý hoạt động của thấu kính bằng việc sử dụng sự khúc xạ của một số các lăng kính nhỏ. - Nêu được các khái niệm: quang tâm, trục chính, tiêu điểm chính và tiêu cự của thấu kính. - Tiến hành thí nghiệm rút ra được đường đi một số tia sáng qua thấu kính (tia qua quang tâm, tia song song quang trục chính). - Vẽ được ảnh qua thấu kính. - Thực hiện thí nghiệm khẳng định được: Ảnh thật là ảnh hứng được trên màn; ảnh ảo là ảnh không hứng được trên màn. - Vẽ được sơ đồ tỉ lệ để giải các bài tập đơn giản về thấu kính hội tụ. - Đo được tiêu cự của thấu kính hội tụ bằng dụng cụ thực hành. Mô tả được cấu tạo và sử dụng được kính lúp. - Thực hiện thí nghiệm đơn giản để nêu được điện trở có tác dụng cản trở dòng điện trong mạch. - Thực hiện thí nghiệm để xây dựng được định luật Ohm: cường độ dòng điện đi qua một đoạn dây	
--	--	--	--	--

			dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn dây và tỉ lệ nghịch với điện trở của nó. - Nêu được (không yêu cầu thành lập): Công thức tính điện trở của một đoạn dây dẫn (theo độ dài, tiết diện, điện trở suất). Sử dụng công thức đã cho để tính được điện trở của một đoạn dây dẫn trong trường hợp đơn giản. - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Trong đoạn mạch điện mắc nối tiếp, cường độ dòng điện là như nhau cho mọi điểm. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc nối tiếp. - Nêu được (không yêu cầu thành lập) công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều nối tiếp. - Tính được điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều nối tiếp trong một số trường hợp đơn giản. Tính được cường độ dòng điện trong đoạn mạch một chiều mắc nối tiếp trong một số trường hợp đơn giản - Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Trong đoạn mạch điện mắc song song, tổng cường độ dòng điện trong các nhánh bằng cường độ dòng điện chạy trong mạch chính. - Lắp được mạch điện và đo được giá trị cường độ dòng điện trong một đoạn mạch điện mắc song song. - Nêu được (không yêu cầu thành lập) công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều song song. - Tính được điện trở tương đương của đoạn mạch một chiều song song trong một số trường hợp đơn giản. Tính được cường độ dòng điện trong đoạn mạch một chiều mắc song song trong một số trường hợp	
--	--	--	---	--

		đơn giản. - Lấy ví dụ để chứng tỏ được dòng điện có năng lượng. - Nêu được công suất điện định mức của dụng cụ điện (công suất mà dụng cụ tiêu thụ khi hoạt động bình thường). Tính được năng lượng của dòng điện và công suất điện trong trường hợp đơn giản. Thực hiện thí nghiệm để rút ra được: Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây dẫn kín biến thiên thì trong cuộn dây đó xuất hiện dòng điện cảm ứng. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều (dòng điện luân phiên đổi chiều). Lấy được ví dụ chứng tỏ dòng điện xoay chiều có tác dụng nhiệt, phát sáng, tác dụng từ, tác dụng sinh lí. - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ) mô tả vòng năng lượng trên Trái Đất để rút ra được: năng lượng của Trái Đất đến từ Mặt Trời. - Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của năng lượng hoá thạch. - Lấy được ví dụ chứng tỏ việc đốt cháy các nhiên liệu hoá thạch có thể gây ô nhiễm môi trường. Thảo luận để chỉ ra được giá nhiên liệu phụ thuộc vào chi phí khai thác nó. - Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của một số dạng năng lượng tái tạo (năng lượng Mặt Trời, năng lượng từ gió, năng lượng từ sóng biển, năng lượng từ dòng sông). Thảo luận để nêu được một số biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường. - Nêu được tính chất vật lí của kim loại. - Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của kim loại: Tác dụng với	
--	--	---	--

		phi kim (oxygen, lưu huỳnh, chlorine), nước hoặc hơi nước, dung dịch hydrochloric acid, dung dịch muối. - Mô tả được một số khác biệt về tính chất giữa các kim loại thông dụng (nhôm, sắt, vàng, ...). - Tiến hành được một số thí nghiệm hoặc mô tả được thí nghiệm (qua hình vẽ hoặc học liệu điện tử thí nghiệm) khi cho kim loại tiếp xúc với nước, hydrochloric acid, ... - Nêu được dãy hoạt động hoá học (K, Na, Ca, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, H, Cu, Ag, Au). - Trình bày được ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học. - Nêu được phương pháp tách kim loại theo mức độ hoạt động hoá học của chúng. Trình bày được quá trình tách một số kim loại có nhiều ứng dụng, như: Tách sắt ra khỏi iron(III) oxide bởi carbon oxide; Tách nhôm ra khỏi aluminium oxide bởi phản ứng điện phân; Tách kẽm khỏi zinc sulfide bởi oxygen và carbon (than). - Nêu được khái niệm hợp kim. - Giải thích vì sao trong một số trường hợp thực tiễn, kim loại được sử dụng dưới dạng hợp kim; - Nêu được thành phần, tính chất đặc trưng của một số hợp kim phổ biến, quan trọng, hiện đại. Trình bày được các giai đoạn cơ bản sản xuất gang và thép trong lò cao từ nguồn quặng chứa iron(III) oxide. - Nêu được ứng dụng của một số đơn chất phi kim thiết thực trong cuộc sống (than, lưu huỳnh, khí chlorine, ...). Chỉ ra được sự khác nhau cơ bản về một số tính chất giữa phi kim và kim loại: Khả năng dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng; khả năng tạo ion dương, ion âm; phản ứng với oxygen	
--	--	---	--

			tạo oxide acid, oxide base. - Nêu được khái niệm hợp chất hữu cơ, hoá học hữu cơ. - Nêu được khái niệm công thức phân tử, công thức cấu tạo và ý nghĩa của nó; đặc điểm cấu tạo hợp chất hữu cơ. - Phân biệt được chất vô cơ hay hữu cơ theo công thức phân tử. - Trình bày được sự phân loại sơ bộ hợp chất hữu cơ gồm hydrocarbon và dẫn xuất của hydrocarbon.	
Giữa học kì II	60 phút	Tuần 26 (10/3 – 15/3)	- Nêu được khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí). - Trình bày được cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than, ...), từ đó có cách ứng xử thích hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu (gas, xăng, dầu hỏa, than, ...) trong cuộc sống. - Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo và nêu được đặc điểm cấu tạo của ethylic alcohol. - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của ethylic alcohol: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. - Nêu được khái niệm và ý nghĩa của độ cồn. - Trình bày được tính chất hoá học của ethylic alcohol: phản ứng cháy, phản ứng với sodium. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng cháy, phản ứng với sodium của ethylic alcohol, nêu và giải thích hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học cơ bản của ethylic alcohol. - Trình bày được phương pháp điều chế ethylic alcohol từ tinh bột và từ ethylene. - Nêu được ứng dụng của ethylic alcohol (dung môi, nhiên liệu, ...). Trình bày được tác hại của việc lạm	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án; 40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.

		dụng rượu bia. - Quan sát mô hình hoặc hình vẽ, viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo; nêu được đặc điểm cấu tạo của acid acetic. - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của acetic acid: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. - Trình bày được phương pháp điều chế acetic acid bằng cách lên men ethylic alcohol. - Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acetic acid (phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá), nhận xét, rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid. - Nêu được khái niệm ester và phản ứng ester hoá. Trình bày được ứng dụng của acetic acid (làm nguyên liệu, làm giấm). - Nêu được khái niệm lipid, khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là $(R-COO)_3C_3H_5$, đặc điểm cấu tạo. - Trình bày được tính chất vật lí của chất béo (trạng thái, tính tan) và tính chất hoá học (phản ứng xà phòng hoá). Viết được phương trình hoá học xảy ra. - Nêu được vai trò của lipid tham gia vào cấu tạo tế bào và tích lũy năng lượng trong cơ thể. Trình bày được ứng dụng của chất béo và đề xuất biện pháp sử dụng chất béo cho phù hợp trong việc ăn uống hàng ngày để có cơ thể khoẻ mạnh,	
--	--	--	--

		tránh được bệnh béo phì. - Nêu được thành phần nguyên tố, công thức chung của carbohydrate. - Nêu được công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi, vị, tính tan, khối lượng riêng) của glucose và saccharose. - Trình bày được tính chất hoá học của glucose (phản ứng tráng bạc, phản ứng lên men rượu), của saccharose (phản ứng thủy phân có xúc tác acid hoặc enzyme). Viết được các phương trình hoá học xảy ra dưới dạng công thức phân tử. - Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) phản ứng tráng bạc của glucose. Trình bày được vai trò và ứng dụng của glucose (chất dinh dưỡng quan trọng của người và động vật) và của saccharose (nguyên liệu quan trọng trong công nghiệp thực phẩm). Ý thức được tầm quan trọng của việc sử dụng hợp lí saccharose. Nhận biết được các loại thực phẩm giàu saccharose và hoa quả giàu glucose. - Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và cellulose. - Trình bày được tính chất hoá học của tinh bột và cellulose: phản ứng thủy phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine. Viết được các phương trình hoá học của phản ứng thủy phân dưới dạng công thức phân tử. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng thủy phân; phản ứng màu với iodine; nêu được hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học của tinh bột và cellulose. - Trình bày được ứng dụng của tinh bột và cellulose trong đời sống và sản xuất, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh.	
--	--	--	--

		- Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh. - Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lý tinh bột. - Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử (do nhiều amino acid tạo nên, liên kết peptitde) và khối lượng phân tử của protein. - Trình bày được tính chất hoá học của protein: Phản ứng thủy phân có xúc tác acid, base hoặc enzyme, bị đông tụ khi có tác dụng của acid, base hoặc nhiệt độ; dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của protein: bị đông tụ khi có tác dụng của HCl, nhiệt độ, dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. - Phân biệt được protein (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (tơ nylon). - Trình bày được vai trò của protein đối với cơ thể con người. - Nêu được khái niệm polymer, monomer, mắt xích, ..., cấu tạo, phân loại polymer (polymer thiên nhiên và polymer tổng hợp). - Trình bày được tính chất vật lý chung của polymer (trạng thái, khả năng tan). - Viết được các phương trình hoá học của phản ứng điều chế PE, PP từ các monomer. - Nêu được khái niệm chất dẻo, tơ, cao su, vật liệu composite và cách sử dụng, bảo quản một số vật dụng làm bằng chất dẻo, tơ, cao su trong gia đình an toàn, hiệu quả. - Trình bày được ứng dụng của polyethylene; vấn đề ô nhiễm môi trường khi sử dụng polymer không phân huỷ sinh học (polyethylene) và các cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống.	
--	--	--	--

			- Nêu được hàm lượng các nguyên tố hoá học chủ yếu trong vỏ Trái Đất. - Phân loại được các dạng chất chủ yếu trong vỏ Trái Đất (oxide, muối, ...). Trình bày được những lợi ích cơ bản về kinh tế, xã hội từ việc khai thác vỏ Trái Đất (nhiên liệu, vật liệu, nguyên liệu); lợi ích của sự tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên, sử dụng vật liệu tái chế, ... phục vụ cho sự phát triển bền vững. - Trình bày được nguồn đá vôi, thành phần chính của đá vôi trong tự nhiên; các ứng dụng từ đá vôi: sản phẩm đá vôi nghiền, calcium oxide, calcium hydroxide, nguyên liệu sản xuất xi măng. - Nêu được một số ứng dụng quan trọng của silicon và hợp chất của silicon. - Trình bày được sơ lược ngành công nghiệp silicate. Mô tả được các công đoạn chính sản xuất đồ gốm, thuỷ tinh, xi măng. - Nêu được khái niệm nhiên liệu hoá thạch. - Trình bày được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và thực trạng của việc khai thác nhiên liệu hoá thạch hiện nay. Nêu được một số giải pháp hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch. - Nêu được một số dạng tồn tại phổ biến của nguyên tố carbon trong tự nhiên (than, kim cương, carbon dioxide, các muối carbonate, các hợp chất hữu cơ). - Trình bày được sản phẩm và sự phát năng lượng từ quá trình đốt cháy than, các hợp chất hữu cơ; chu trình carbon trong tự nhiên và vai trò của carbon dioxide trong chu trình đó. Trình bày được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo của methane. - Nêu được khí carbon dioxide và	
--	--	--	---	--

			methane là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính, sự ấm lên toàn cầu. - Trình bày được những bằng chứng của biến đổi khí hậu, thời tiết do tác động của sự ấm lên toàn cầu trong thời gian gần đây; những dự đoán về các tác động tiêu cực trước mắt và lâu dài. Nêu được được một số biện pháp giảm lượng khí thải carbon dioxide ở trong nước và ở phạm vi toàn cầu. - Nêu được khái niệm di truyền, khái niệm biến dị. - Nêu được gene quy định di truyền và biến dị ở sinh vật, qua đó gene được xem là trung tâm của di truyền học.	
Cuối học kì II	60 phút	Tuần 33 (5/5 – 10/5)	- Nêu được khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí). - Trình bày được cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than, ...), từ đó có cách ứng xử thích hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu (gas, xăng, dầu hỏa, than, ...) trong cuộc sống. - Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo và nêu được đặc điểm cấu tạo của ethylic alcohol. - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của ethylic alcohol: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. - Nêu được khái niệm và ý nghĩa của độ cồn. - Trình bày được tính chất hoá học của ethylic alcohol: phản ứng cháy, phản ứng với sodium. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng cháy, phản ứng với sodium của ethylic alcohol, nêu và giải thích hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học cơ bản của ethylic alcohol. - Trình bày được phương pháp điều	45% (18 câu) trắc nghiệm 4 đáp án; 40% (4 câu – 16 ý) trắc nghiệm đúng sai, 15% (6 câu) tự luận trả lời ngắn.

			chế ethylic alcohol từ tinh bột và từ ethylene. - Nêu được ứng dụng của ethylic alcohol (dung môi, nhiên liệu, ...). Trình bày được tác hại của việc lạm dụng rượu bia. - Quan sát mô hình hoặc hình vẽ, viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo; nêu được đặc điểm cấu tạo của acid acetic. - Quan sát mẫu vật hoặc hình ảnh, trình bày được một số tính chất vật lí của acetic acid: trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi. - Trình bày được phương pháp điều chế acetic acid bằng cách lên men ethylic alcohol. - Trình bày được tính chất hoá học của acetic acid: phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá. Viết được các phương trình hoá học xảy ra. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của acetic acid (phản ứng với quỳ tím, đá vôi, kim loại, oxide kim loại, base, phản ứng cháy, phản ứng ester hoá), nhận xét, rút ra được tính chất hoá học cơ bản của acetic acid. - Nêu được khái niệm ester và phản ứng ester hoá. Trình bày được ứng dụng của acetic acid (làm nguyên liệu, làm giấm). - Nêu được khái niệm lipid, khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là $(R-COO)_3C_3H_5$, đặc điểm cấu tạo. - Trình bày được tính chất vật lí của chất béo (trạng thái, tính tan) và tính chất hoá học (phản ứng xà phòng hoá). Viết được phương trình hoá học xảy ra. - Nêu được vai trò của lipid tham gia vào cấu tạo tế bào và tích lũy năng	
--	--	--	---	--

			lượng trong cơ thể. - Trình bày được ứng dụng của chất béo và đề xuất biện pháp sử dụng chất béo cho phù hợp trong việc ăn uống hàng ngày để có cơ thể khoẻ mạnh, tránh được bệnh béo phì. - Nêu được thành phần nguyên tố, công thức chung của carbohydrate. - Nêu được công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi, vị, tính tan, khối lượng riêng) của glucose và saccharose. - Trình bày được tính chất hoá học của glucose (phản ứng tráng bạc, phản ứng lên men rượu), của saccharose (phản ứng thủy phân có xúc tác acid hoặc enzyme). Viết được các phương trình hoá học xảy ra dưới dạng công thức phân tử. - Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) phản ứng tráng bạc của glucose. - Trình bày được vai trò và ứng dụng của glucose (chất dinh dưỡng quan trọng của người và động vật) và của saccharose (nguyên liệu quan trọng trong công nghiệp thực phẩm). Ý thức được tầm quan trọng của việc sử dụng hợp lí saccharose. Nhận biết được các loại thực phẩm giàu saccharose và hoa quả giàu glucose. - Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và cellulose. - Trình bày được tính chất hoá học của tinh bột và cellulose: phản ứng thủy phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine. Viết được các phương trình hoá học của phản ứng thủy phân dưới dạng công thức phân tử. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng thủy phân; phản ứng màu với iodine; nêu được hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học của tinh bột và	
--	--	--	--	--

		cellulose. - Trình bày được ứng dụng của tinh bột và cellulose trong đời sống và sản xuất, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh. - Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh. Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lý tinh bột. - Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử (do nhiều amino acid tạo nên, liên kết peptitde) và khối lượng phân tử của protein. - Trình bày được tính chất hoá học của protein: Phản ứng thủy phân có xúc tác acid, base hoặc enzyme, bị đông tụ khi có tác dụng của acid, base hoặc nhiệt độ; dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. - Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm của protein: bị đông tụ khi có tác dụng của HCl, nhiệt độ, dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. - Phân biệt được protein (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (tơ nylon). Trình bày được vai trò của protein đối với cơ thể con người. Nêu được khái niệm polymer, monomer, mắt xích, ..., cấu tạo, phân loại polymer (polymer thiên nhiên và polymer tổng hợp). - Trình bày được tính chất vật lý chung của polymer (trạng thái, khả năng tan). - Viết được các phương trình hoá học của phản ứng điều chế PE, PP từ các monomer. - Nêu được khái niệm chất dẻo, tơ, cao su, vật liệu composite và cách sử dụng, bảo quản một số vật dụng làm bằng chất dẻo, tơ, cao su trong gia đình an toàn, hiệu quả. Trình bày được ứng dụng của	
--	--	--	--

			polyethylene; vấn đề ô nhiễm môi trường khi sử dụng polymer không phân huỷ sinh học (polyethylene) và các cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống. - Nêu được hàm lượng các nguyên tố hoá học chủ yếu trong vỏ Trái Đất. - Phân loại được các dạng chất chủ yếu trong vỏ Trái Đất (oxide, muối, ...). - Trình bày được những lợi ích cơ bản về kinh tế, xã hội từ việc khai thác vỏ Trái Đất (nhiên liệu, vật liệu, nguyên liệu); lợi ích của sự tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên, sử dụng vật liệu tái chế, ... phục vụ cho sự phát triển bền vững. - Trình bày được nguồn đá vôi, thành phần chính của đá vôi trong tự nhiên; các ứng dụng từ đá vôi: sản phẩm đá vôi nghiền, calcium oxide, calcium hydroxide, nguyên liệu sản xuất xi măng. - Nêu được một số ứng dụng quan trọng của silicon và hợp chất của silicon. - Trình bày được sơ lược ngành công nghiệp silicate. Mô tả được các công đoạn chính sản xuất đồ gốm, thuỷ tinh, xi măng. - Nêu được khái niệm nhiên liệu hoá thạch. - Trình bày được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và thực trạng của việc khai thác nhiên liệu hoá thạch hiện nay. Nêu được một số giải pháp hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch. - Nêu được một số dạng tồn tại phổ biến của nguyên tố carbon trong tự nhiên (than, kim cương, carbon dioxide, các muối carbonate, các hợp chất hữu cơ). - Trình bày được sản phẩm và sự phát năng lượng từ quá trình đốt cháy than, các hợp chất hữu cơ;	
--	--	--	---	--

			chu trình carbon trong tự nhiên và vai trò của carbon dioxide trong chu trình đó. Trình bày được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo của methane. - Nêu được khí carbon dioxide và methane là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính, sự ấm lên toàn cầu - Trình bày được những bằng chứng của biến đổi khí hậu, thời tiết do tác động của sự ấm lên toàn cầu trong thời gian gần đây; những dự đoán về các tác động tiêu cực trước mắt và lâu dài. Nêu được được một số biện pháp giảm lượng khí thải carbon dioxide ở trong nước và ở phạm vi toàn cầu. - Nêu được khái niệm di truyền, khái niệm biến dị. - Nêu được gene quy định di truyền và biến dị ở sinh vật, qua đó gene được xem là trung tâm của di truyền học. - Nêu được ý tưởng của Mendel là cơ sở cho những nghiên cứu về nhân tố di truyền (gene). - Dựa vào thí nghiệm lai một cặp tính trạng, nêu được các thuật ngữ trong nghiên cứu các quy luật di truyền: tính trạng, nhân tố di truyền, cơ thể thuần chủng, cặp tính trạng tương phản, tính trạng trội, tính trạng lặn, kiểu hình, kiểu gene, allele (alen), dòng thuần. - Phân biệt, sử dụng được một số kí hiệu trong nghiên cứu di truyền học (P, F1, F2, ...). - Dựa vào công thức lai 1 cặp tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, phát biểu được quy luật phân li; giải thích được kết quả thí nghiệm theo Mendel. - Trình bày được thí nghiệm lai phân tích. Nêu được vai trò của phép lai phân tích.	
--	--	--	---	--

			Dựa vào công thức lai 2 cặp tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, phát biểu được quy luật phân li độc lập và tổ hợp tự do. Giải thích được kết quả thí nghiệm theo Mendel. - Nêu được khái niệm nucleic acid. Kể tên được các loại nucleic acid: DNA (Deoxyribonucleic acid) và RNA (Ribonucleic acid). - Thông qua hình ảnh, mô tả được DNA có cấu trúc xoắn kép, gồm các đơn phân là 4 loại nucleotide, các nucleotide liên kết giữa 2 mạch theo nguyên tắc bổ sung. - Giải thích được vì sao chỉ từ 4 loại nucleotide nhưng tạo ra được sự đa dạng của phân tử DNA. - Nêu được chức năng của DNA trong việc lưu giữ, bảo quản, truyền đạt thông tin di truyền. - Trình bày được RNA có cấu trúc 1 mạch, chứa 4 loại ribonucleotide. - Phân biệt được các loại RNA dựa vào chức năng. - Nêu được khái niệm gene. Nêu được sơ lược về tính đặc trưng cá thể của hệ gene và một số ứng dụng của phân tích DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,... - Phát biểu được khái niệm đột biến gene. Lấy được ví dụ minh họa. Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến gene. - Quan sát hình ảnh (hoặc sơ đồ), mô tả sơ lược quá trình tái bản của DNA gồm các giai đoạn: tháo xoắn tách hai mạch đơn, các nucleotide tự do trong môi trường tế bào kết hợp 2 mạch đơn theo nguyên tắc bổ sung. Kết quả tạo 2 DNA con giống DNA mẹ, từ đó nêu được ý nghĩa di truyền của tái bản DNA. Dựa vào sơ đồ, hình ảnh quá trình phiên mã, nêu được khái niệm phiên mã. - Nêu được khái niệm mã di truyền,	
--	--	--	---	--

			giải thích được từ 4 loại nucleotide tạo ra được sự đa dạng của mã di truyền; nêu được ý nghĩa của đa dạng mã di truyền, mã di truyền quy định thành phần hoá học và cấu trúc của protein. Dựa vào sơ đồ hoặc hình ảnh quá trình dịch mã, nêu được khái niệm dịch mã. - Dựa vào sơ đồ, nêu được mối quan hệ giữa DNA – RNA – protein – tính trạng thông qua phiên mã, dịch mã và ý nghĩa di truyền của mối quan hệ này. Vận dụng kiến thức “từ gene đến tính trạng”, nêu được cơ sở của sự đa dạng về tính trạng của các loài. - Nêu được khái niệm nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ chứng minh mỗi loài có bộ nhiễm sắc thể đặc trưng. - Mô tả được hình dạng nhiễm sắc thể thông qua hình vẽ nhiễm sắc thể ở kì giữa với tâm động, các cánh. - Dựa vào hình ảnh (hoặc mô hình, học liệu điện tử) mô tả được cấu trúc nhiễm sắc thể có lõi là DNA và cách sắp xếp của gene trên nhiễm sắc thể. - Phân biệt được bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội, đơn bội. Lấy được ví dụ minh hoạ. Nêu được khái niệm đột biến nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ minh hoạ. Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể. - Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình nguyên phân nêu được khái niệm nguyên phân. - Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình giảm phân nêu được khái niệm giảm phân. - Phân biệt được nguyên phân và giảm phân; nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân trong di truyền và mối quan hệ giữa hai quá	
--	--	--	---	--

			trình này trong sinh sản hữu tính. - Nêu được nhiễm sắc thể vừa là vật chất mang thông tin di truyền vừa là đơn vị truyền đạt vật chất di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể. - Trình bày được cơ chế biến dị tổ hợp thông qua sơ đồ đơn giản về quá trình giảm phân và thụ tinh (minh hoạ bằng sơ đồ lai 2 cặp gene). - Trình bày được các ứng dụng và lấy được ví dụ của nguyên phân và giảm phân trong thực tiễn. - Nêu khái niệm nhiễm sắc thể giới tính và nhiễm sắc thể thường. - Trình bày được cơ chế xác định giới tính. Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hoá giới tính. - Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập. Nêu được một số ứng dụng về di truyền liên kết trong thực tiễn. - Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người. - Nêu được khái niệm về bệnh và tật di truyền ở người. - Trình bày được một số tác nhân gây bệnh di truyền như: các chất phóng xạ từ các vụ nổ, thử vũ khí hạt nhân, hoá chất do công nghiệp, thuốc trừ sâu, diệt cỏ. Kể tên được một số hội chứng và bệnh di truyền ở người (Down (Đao), Turner (Tóc nơ), bệnh câm điếc bẩm sinh, bạch tạng). - Dựa vào ảnh (hoặc học liệu điện tử) kể tên được một số tật di truyền ở người (hở khe môi, hàm; dính ngón tay). - Tìm hiểu được một số bệnh di truyền ở địa phương. - Nêu được vai trò của di truyền học với hôn nhân và trình bày được quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người. Nêu được ý	
--	--	--	---	--

			nghĩa của việc cấm kết hôn gần huyết thống. Tìm hiểu được tuổi kết hôn ở địa phương. - Nêu được một số ứng dụng công nghệ di truyền trong y học, pháp y, làm sạch môi trường, nông nghiệp, an toàn sinh học. - Nêu được một số vấn đề về đạo đức sinh học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ di truyền. Tìm hiểu được một số sản phẩm ứng dụng công nghệ di truyền tại địa phương. - Phát biểu được khái niệm tiến hoá. - Phát biểu được khái niệm chọn lọc nhân tạo. - Trình bày được một số bằng chứng của quá trình chọn lọc do con người tiến hành đưa đến sự đa dạng và thích nghi của các loài vật nuôi và cây trồng từ vài dạng hoang dại ban đầu. - Phát biểu được khái niệm chọn lọc tự nhiên. - Dựa vào các hình ảnh hoặc sơ đồ, mô tả được quá trình chọn lọc tự nhiên. - Thông qua phân tích các ví dụ về tiến hoá thích nghi, chứng minh được vai trò của chọn lọc tự nhiên đối với sự hình thành đặc điểm thích nghi và đa dạng của sinh vật. - Nêu được quan điểm của Lamark về cơ chế tiến hoá. - Trình bày được quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hoá.	
--	--	--	--	--

Môn Lịch sử và Địa lý

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
-------------------------------	------------------	------------------	------------------------	------------------

Giữa học kì I	60	Tuần 9	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản. - Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu: (theo QĐ 27) - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. - Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu: (theo QĐ 27) - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. Thông hiểu - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, nguồn nguyên liệu. - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. Nhận biết - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. - Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933. - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
------------------	----	--------	---	---

			1945. - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến, hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít. - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918-1930. - Phân tích được nguyên nhân và hệ quả của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918-1930. - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918-1930. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng 1930 – 1931, 1936 - 1939 (bối cảnh, diễn biến chính, ý nghĩa của phong trào). Thông hiểu - Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. - Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. Vận dụng - Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương. - Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. - Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. - Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước.	
Cuối học kì I	60 phút	Tuần 17	- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ	Kiểm tra

			và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991. - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. Nhận biết - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản. Thông hiểu - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp (các nhân tố tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, nước, sinh vật; các nhân tố kinh tế-xã hội: dân cư và nguồn lao động, thị trường, chính sách, công nghệ, vốn đầu tư). - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. Vận dụng - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.	trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%
Giữa học kì II	60 phút	Tuần 27	- Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%

			- Vận dụng kiến thức về xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh để nhận thức về đường lối ngoại giao của Việt Nam hiện đại. Nhận biết Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Thông hiểu - Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc. - Trình bày được các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thuỷ sản, du lịch. - Phân tích hoặc sơ đồ hóa được các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Vận dụng - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).	
Cuối học kì II	60 phút	Tuần 34	- Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. - Giới thiệu được nét chính về những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Thông hiểu	Kiểm tra trắc nghiệm (40%) + tự luận (60%). Trong đó địa lý 50%, lịch sử 50%

			- Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thủy sản. - Trình bày được vấn đề phát triển kinh tế biển. - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng. Vận dụng - Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Phân tích được vị thế của Thủ đô Hà Nội. Vận dụng cao - Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Nhận biết - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc. - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên: trồng cây công nghiệp lâu năm; phát triển du lịch; thủy điện và khai thác khoáng sản. - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. Thông hiểu - Trình bày được đặc điểm phân hoá	
--	--	--	--	--

			của tự nhiên (phân hóa bắc nam, phân hóa đông tây). - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. - Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ. - Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ. Vận dụng - Giải thích được ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng. - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.	
--	--	--	---	--

Điều 5. Về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG)

1. Đề KT, ĐG và đáp án phải đảm bảo về mặt hình thức theo mẫu chung của nhà trường đối với hai dạng: làm trực tiếp trên giấy có in sẵn đề và làm trên giấy riêng. Đề KT có từ hai câu trở lên phải ghi rõ điểm từng câu cho học sinh biết.

2. Nội dung đề KT, ĐG phải có tính phân hóa; đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng hướng tới việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đối với các bài kiểm tra định kỳ trên 45 phút (1 tiết) cần đảm bảo 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học; xây dựng nội dung đề kiểm tra bao quát, thực tiễn tiếp cận đánh giá năng lực học sinh, tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Không kiểm tra, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự đọc, tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu; những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm và các bài giảm tải.

3. Các loại bài KT, ĐG trong năm học của các môn học (kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ), cần có kế hoạch thực hiện vừa đủ số cột bài kiểm tra theo quy định của từng môn. Không kiểm tra liên tục, thường xuyên và không tăng số lượng bài kiểm tra quá mức quy định để tránh gây áp lực học tập căng thẳng lên học sinh. Nội dung và mức độ, độ dài của bài kiểm tra cần phù hợp với chương trình học và trình độ học sinh.

4. Đối với bài kiểm tra đánh giá thường xuyên

Thực hiện kiểm tra đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh qua hình thức đánh giá về các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá

qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

Giáo viên bộ môn của lớp thực hiện tổ chức cho học sinh làm bài kiểm tra thường xuyên với nội dung và hình thức kiểm tra phù hợp theo quy định. Nộp đề kiểm tra về Phó Hiệu trưởng duyệt trước ngày kiểm tra tối thiểu 7 ngày.

5. Đối với bài kiểm tra định kỳ

Đảm bảo việc thiết kế, xây dựng ma trận đề KT, ĐG đúng quy trình; xác định đúng các cấp độ tư duy: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Tiến hành xây dựng đề KT, ĐG sau khi đã hoàn chỉnh ma trận đề.

Mỗi giáo viên bộ môn (GVBM) thực hiện 1 đề kiểm tra đề nghị sau khi đã thống nhất về mặt cấu trúc, nội dung chương trình, ma trận đề (có ghi rõ vào biên bản họp nhóm). Đề được soạn trên máy tính với 2 file: 1 file đề, 1 file ma trận đề và đáp án. Gửi 2 file này cho Tổ trưởng chuyên môn (TTCM) trước ngày KT tối thiểu 7 ngày.

Tất cả các đề KT các tổ chuyên môn và GV đều phải lưu lại bổ sung vào ngân hàng đề.

6. Đối với học sinh khuyết tật

Thông tư số 22/2021/ TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 7 năm 2021 về Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

Được đánh giá, xếp loại theo các quy định như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về đề kiểm tra và kết quả học tập so với học sinh bình thường.

Điều 6. Về phê duyệt, sửa đổi, in ấn đề KT, ĐG định kì

1. TTCM kiểm tra file đề từ GVBM về mặt hình thức, nội dung; điều chỉnh, sửa đổi nội dung cho phù hợp (nếu cần) và đảm bảo quy định về mặt hình thức. Chuyển file đề KT cho Phó Hiệu trưởng trước ngày kiểm tra tối thiểu 5 ngày.

2. Phó Hiệu trưởng sau khi tiếp nhận file đề từ TTCM tiến hành kiểm tra, thẩm định; sàng lọc, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi (nếu có), thiết lập 2 mã đề KT A, B kèm đáp án tương ứng; photocopy để nhân bản đề kiểm tra theo số số lượng học sinh hiện có trước ngày kiểm tra 3 ngày.

3. Đề kiểm tra sau khi in ấn, photocopy được chia theo sĩ số lớp, số lượng đề A và B hơn kém nhau không quá một đề ở mỗi lớp; được đóng gói và niêm phong theo từng môn và từng khối lớp.

Điều 7. Về tổ chức kiểm tra đánh giá

1. Đối với bài kiểm tra đánh giá thường xuyên

GVBM tổ chức kiểm tra theo kế hoạch giảng dạy sau khi đã thống nhất trong tổ bộ môn.

2. Đối với bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ

Tổ chức kiểm tra tập trung ở 3 bộ môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (chấm chéo bài kiểm tra). Các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử - Địa lý, Giáo dục công dân, Âm nhạc, Mĩ Thuật, Thể dục, Công nghệ, Tin học, HĐTNHN, GDĐP kiểm tra theo lịch kiểm tra của bộ môn đã được hiệu trưởng duyệt.

3. Đối với bài kiểm tra đánh giá cuối kỳ

Tổ chức kiểm tra tập trung ở 3 bộ môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (chấm chéo bài kiểm tra) do Phòng Giáo dục và Đào tạo ra đề. Các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử - Địa lý, Giáo dục công dân, Âm nhạc, Mĩ Thuật, Thể dục, Công nghệ, Tin học, HĐTNHN, GDĐP kiểm tra theo lịch kiểm tra của bộ môn đã được hiệu trưởng duyệt.

4. Giáo viên coi kiểm tra đánh giá

Thực hiện coi kiểm tra nghiêm túc, đúng quy chế coi kiểm tra hiện hành; nhắc nhở, ngăn ngừa học sinh vi phạm quy chế. Khi có hiệu lệnh thu bài, giáo viên coi kiểm tra yêu cầu học sinh ngưng làm bài và tiến hành thu bài; nộp bài và ký tên xác nhận tại phòng Phó Hiệu trưởng nhà trường.

Điều 8. Về chấm, trả bài kiểm tra, ghi điểm

1. Chấm bài

Giáo viên bộ môn nhận bài chấm từ Phó Hiệu trưởng nhà trường; tiến hành họp nhóm thống nhất đáp án chi tiết trước khi chấm (ghi biên họp vào sổ họp nhóm). Bài được phân chấm chéo theo đơn vị lớp; GV không chấm bài lớp dạy chính khóa. Thời gian hoàn tất việc chấm bài là cách 1 tuần kể từ tuần kiểm tra (ví dụ: tuần kiểm tra là tuần 6 thì ngày hoàn tất chấm nhất là thứ hai của tuần 8).

Bài KT chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số phần thập phân (ví dụ: 7,25 thành 7,3; 8,75 thành 8,8; ...), điểm thành phần tối thiểu là 0,25 điểm.

Sử dụng bút mực màu đỏ để chấm bài. Giáo viên chấm bài đúng đáp án biểu điểm, gạch chéo tất cả những phần giấy trắng còn thừa do học sinh không viết hết, ghi điểm toàn bài vào ô quy định của tờ bài làm, ghi điểm thành phần vào phần lẻ tờ giấy kiểm tra, ngay cạnh ý được chấm. Nếu có sự thay đổi điểm thì gạch chéo điểm đã cho và ghi điểm mới bằng cả số và chữ rồi GV chấm ký tên xác nhận việc sửa chữa.

GV cho điểm khách quan, công khai, có chú ý đến việc động viên sự cố gắng của HS. Khi HS có thắc mắc về điểm số phải giải thích rõ ràng; GV phải ghi nhận xét vào bài làm để nhắc nhở, động viên học sinh.

2. Trả bài kiểm tra

Trả bài kiểm tra nhằm giúp giáo viên và học sinh đánh giá lại những ưu điểm và tồn tại, hạn chế mà bài làm của các em đã thực hiện sau khi có kết quả chấm. Việc trả bài KT không nhằm mục đích nâng cao hiểu biết nhận thức mà hướng HS đi sâu vào kỹ năng làm bài thực hành và vận dụng những điều đã học từ lý thuyết để đưa vào thực tế.

GV nhận xét, đánh giá chung về bài làm của HS; nêu những hạn chế, thiếu sót phổ biến để HS biết; tuyên dương những HS đạt điểm cao, những HS có nhiều nỗ lực, cố gắng; động viên, nhắc nhở những HS điểm thấp, còn nhiều hạn chế thiếu sót trong làm bài.

Qua họp tổ nhóm chuyên môn so sánh, đánh giá kết quả bài kiểm tra giữa các lớp; phân tích sâu những kiến thức, những nội dung đề KT mà HS không làm được hoặc còn nhiều hạn chế, sai sót trong làm bài. Từ đó, tăng cường đẩy mạnh việc đổi mới việc sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học theo từng đơn vị kiến thức để đưa ra những phương pháp, cách thức giảng dạy hiệu quả hơn; chú trọng công tác phụ đạo HS có điểm KT yếu, kém.

3. Ghi điểm

a. Sau khi trả bài, phát bài cho HS, nếu HS có thắc mắc về điểm số, GV phải xem xét, giải thích rõ ràng và điều chỉnh điểm số (nếu có) theo quy định tại điểm c, khoản 1, điều 6 của quy chế này.

b. Giáo viên ghi điểm vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh đồng thời nhập điểm vào phần mềm cơ sở dữ liệu theo quy định nhập điểm của từng đợt điểm. Sau khi trả bài cho học sinh giáo viên có 7 ngày để nhập phần mềm.

c. Trường hợp có sai sót về điểm nhập sau khi chương trình csdl đã khóa, GV thực hiện giấy đề nghị sửa điểm (theo mẫu) gửi về phòng Phó Hiệu trưởng để ghi nhận, xem xét và điều chỉnh theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Giáo viên ra đề, Tổ trưởng chuyên môn các Tổ, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường, có trách nhiệm bảo mật đề KT, ĐG.

2. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng

Có trách nhiệm xây dựng, quán triệt đầy đủ quy chế này đến toàn thể CBQL-GV-NV và học sinh toàn trường. Giao cho Phó Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng, phê duyệt đề KT, ĐG.

3. Các Tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung, điều khoản trong có liên quan trong quy chế; đôn đốc nhắc nhở nhau thực hiện đúng Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 7 năm 2021 về Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

4. Giáo viên

Giáo viên bộ môn thực hiện tổ chức cho học sinh làm bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ với nội dung và hình thức kiểm tra phù hợp theo quy định.

Kế hoạch giáo dục của giáo viên thể hiện rõ chi tiết việc tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá học sinh.

5. Học sinh

Tham gia thực hiện làm bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo quy định của từng bộ môn trong học tập.

Thực hiện đúng qui chế, quy định về kiểm tra đánh giá của từng bộ môn theo thời gian, theo quy định của giáo viên, nhà trường.

Điều 10. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, các cá nhân có đóng góp tích cực sẽ được đề nghị khen thưởng; những trường hợp vi phạm Quy chế, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được thông qua và áp dụng thực hiện từ năm học 2024-2025, thay thế cho các Quy chế kiểm tra, đánh giá trước đây của nhà trường.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc sẽ được bàn bạc, thảo luận để bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp và đúng quy định./.

Nhà Bè, ngày tháng 9 năm 2024

Hiệu trưởng



Ngô Thị Lệ Hoa